CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

THUYỀN TRONG BÃO LỚN

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

TRANG

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG 08

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh
3. Tầm nhìn, sứ mệnh, năng lực cốt lõi và quản trị theo giá trị
4. Quá trình hình thành và phát triển
5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
6. Định hướng phát triển
7. Các rủi ro dự kiến trong năm 2013

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012 33

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và Nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2012

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 56

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 65

1. Đánh giá về các hoạt động của Công ty
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY 68

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012 81

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bình Dương 16/4/2013

Kính thưa: Quý cổ đông.

Tôi xin thay mặt HĐQT và BĐH chân thành cảm ơn đến quý vị - Những cổ đông giá trị của công ty - đã tin tưởng và đồng hành cùng công ty, trong suốt thời gian cực kỳ khó khăn vừa qua.

Thưa quý vị: Hai năm qua, nền kinh tế thế giới và Việt Nam đều rất xấu, đặc biệt chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ, nhằm chống lạm phát, đã đẩy lãi suất ngân hàng lên quá cao đã làm kiệt quệ phần lớn các DN vốn đầu tư trong nước. Sự giải thể và phá sản Trong năm 2012 đã vượt qua con số 58.000 DN và tiếp dòng lại Trong quý 1/2013 với gần 16.000 DN nữa, thử cho thấy, thực trạng nền kinh tế và sự chậm chạp của chính phủ trong nới lỏng định lượng cũng như việc đưa ra các gói giải cứu. Cả nước còn lại chỉ 312.600 DN đang hoạt động so với 694.000 DN được thành lập kể từ khi luật Doanh Nghiệp ra đời: phần chủ yếu bị phá sản và giải thể là DN vốn đầu tư trong nước còn các DN FDI nhờ vay được tại mẫu quốc với lãi suất thấp hơn đáng kể, nên đã vượt lên và đang đóng góp quan trọng trong các chỉ số kinh tế của Q.gia

Trong bối cảnh đó - TTF của đã gặp quá nhiều khó khăn, tưởng như không thể vượt qua - Đặc biệt áp lực về thiếu hụt ngân lưu bị đẩy lên cao đột biến khi một số ngân hàng đã cắt, giảm hạn mức tín dụng - Nguy cơ phá sản luôn là lưỡng và áp lực trên Trách nhiệm của HĐQT và BĐH quá lớn

Mặc dù nhiều điều khó khăn này từ đầu năm, ~~nhưng~~ HĐQT đã cố gắng nhiều, nhưng không giải quyết nổi, vì chính phủ, ngân hàng nhà nước đang lo cứu cố hệ thống ngân hàng thương mại. Các DN một lần nữa bị bỏ quên, Trong đó có của

Việc chậm giải quyết, trong suốt năm đã dẫn đến sản xuất bị yếu đi, giao hàng trễ cho người mua, ngân hàng thêm thiếu hụt và là nguyên nhân chính dẫn đến không thực hiện nổi các mục tiêu kinh doanh và kế hoạch đã đề ra

Tôi xin chân thành nhận lỗi trước kết quả đáng xấu hổ này, khi lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty chỉ được hơn 2,5 Tỷ đồng.

Thưa quý vị! Mãi đến hết quý 1/2013 cty mới nhận được thêm nguồn vốn quý báu từ cổ đông chúng ta về một tỷ cổ đông mới. nhằm duy trì SXKD, giữ được các khách hàng trung thành và nhiều giá trị bên ngoài và cả khách hàng bên trong là nhân viên của cty. Cũng có nghĩa là cty đã hoàn tất một bước, Trong kế hoạch tái cấu trúc tài chính cty gồm 3 bước mà HĐQT đã đề ra:

Song với việc giảm nhanh tồn kho nguyên liệu, thì khai thác một diện tích nhỏ vùng trồng của cty với dự thu chừng 35 Tỷ đồng Trong năm nay nhưng bình quân mỗi năm hơn 100 tỷ đồng Trong mỗi năm tiếp theo. để tạo ra lợi nhuận nhiều hơn cho cổ đông cty.

Đặc biệt cty sẽ phát hành thêm, để tăng cường vốn lưu động, giảm phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng, thúc đẩy SXKD mạnh mẽ trở lại.

Tôi và HĐQT tin tưởng vào cấu trúc cổ đông mới và tái cấu trúc tài chính thành công, cùng như sự tham gia quản trị và điều hành của cổ đông chiến lược tới đây, thì chắc chắn cty sẽ quay trở lại thời kỳ phát triển mạnh mẽ, lợi nhuận được cao dần trong năm 2014 như kế hoạch kinh doanh 2013-2019 của cty, bù đắp cho các thiệt thòi, hy sinh của cổ đông.

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tôi xin cam kết: Sẽ cùng với các TV HĐQT BĐH, Tận tuỵ với nhiệm vụ cổ đông giao phó. luôn mẫn cán và trung thành với cty và lợi ích của tất cả cổ đông của.

Một lần nữa tôi xin gửi đến quý vị lòng tri ân chân thành, về những thông cảm, chia sẻ, đóng góp và đồng hành của quý vị đối với cty. Đó là động lực to lớn đối với tôi cũng như các TV HĐQT và BĐH trong sứ mạng của mình.

Trân trọng.

Võ Trường Thành.

PHẦN 1
THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành
Tên tiếng Anh: Truong Thanh Furniture Corporation
Tên viết tắt: TTFC hoặc TTF
Mã chứng khoán: TTF
Giấy CNĐKKD: Số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 27 tháng 2 năm 2012
Vốn Điều lệ: 590.601.770.000 VND
(Năm trăm chín mươi tỷ sáu trăm lẻ một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)
Vốn Đầu tư của Chủ sở hữu:
590. 601.770.000 VNĐ
(*Năm trăm chín mươi tỷ sáu trăm lẻ một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng)*

Logo của Công ty:

Trụ sở chính: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (84-0650) 3642 004 Fax: (84-0650) 3642 006
Email: contact@truongthanh.com
Website: www.truongthanh.com

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

► **Ngành nghề kinh doanh chính** :
- Sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại đồ gỗ, ván dăm PB, ván ép, ván lạng và ván sàn;
- Trồng rừng sản xuất;
- Mua bán nguyên vật liệu ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất và mua bán bao bì giấy

► **Địa bàn kinh doanh:**
- Trên 30 quốc gia trên thế giới bao gồm Châu Âu (Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha…), Mỹ, Canada, Nhật bản, Hàn quốc, Úc, Nam Phi, Nga…
- Tại Việt Nam bao gồm TP.HCM, Tây Ninh, Bình Dương, Đà Lạt, Dak Lak, Dak Nong, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng, Huế, Hà Nội…

3. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, NĂNG LỰC CỐT LÕI & QUẢN TRỊ THEO GIÁ TRỊ

TẦM NHÌN

■ Duy trì vị thế dẫn đầu ngành chế biến gỗ của Việt Nam, và trở thành TOP 5 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số lớn nhất khu vực ASEAN từ năm 2017

■ Trở thành TOP 3 thương hiệu cung cấp sản phẩm gỗ tại thị trường nội địa từ năm 2013

■ Trở thành TOP 3 nhà trồng rừng tư nhân (có hoạt động chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất khu vực ASEAN từ năm 2020

Giải thích về Tầm nhìn của TTF:

► Năm 2011, TTF đã dẫn đầu trong lĩnh vực chế biến gỗ của Việt Nam về doanh số (hơn 3000 tỷ đồng) cũng như quy mô sản xuất (8 nhà máy – 6000 containers/năm). Sang năm 2012, mặc dù doanh số bị giảm sút gần 13% (còn trên 2600 tỷ đồng), Công ty vẫn nằm trong TOP 3 trong danh sách các nhà sản xuất – xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Trong khi đó, Việt Nam cũng đã qua mặt Malaysia để trở thành quốc gia xuất khẩu đồ gỗ nhiều nhất khu vực. Đó chính là động lực để TTF thực sự hướng sự phát triển của mình vươn ra trên toàn khu vực ASEAN và mong muốn trở thành TOP 5 từ năm 2017 (tức sau 4 năm nữa)

Một số Cán bộ chủ chốt và Ban Điều hành của TTF

► Ngoài lợi thế về chính sách "Bán hàng Lẻ với giá Sỉ" tại thị trường Nội địa, TTF còn luôn chú trọng đến chất lượng sản phẩm, an toàn cho người sử dụng và mẫu mã mới. Do đó sau hơn 5 năm xâm nhập thị trường trong nước, Công ty đã có trên 30 điểm bán hàng trên toàn quốc và là nhà cung cấp dịch vụ - thi công trang trí nội thất đáng tin cậy cho các công trình cao cấp tại Việt Nam (chẳng hạng các công trình của Tập đoàn Vingroup tại Nha Trang, Đà Nẵng, Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh). Vì vậy TTF tự tin với tầm nhìn trở thành Top 3 thương hiệu cung cấp sản phẩmgỗ tại thị trường nội địa

►Từ năm 2007, TTF đã bắt đầu dự án mua và trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam. Hiện tại, Công ty đang sở hữu khoảng 10.000 ha rừng đã trồng, và được chấp thuận chủ trương đối với khoảng 90.000 ha đất để trồng. Để tăng cường tiềm lực tài chính, Tập đoàn Trường Thành cũng đã liên doanh với đối tác Nhật bản là Tập đoàn Giấy OJI (hàng đầu của Nhật Bản, và đứng hàng thứ 6 trên toàn thế giới) để thực hiện các dự án của mình. Do đó, Chúng tôi có niềm tin sẽ trở thành Top 3 nhà trồng rừng tư nhân (có hoạt động chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất khu vực ASEAN từ năm 2020

SỨ MỆNH

■ Mang “cơ hội lợi nhuận” đến cho nhiều nhà nhập khẩu, bán sỉ và phân phối đồ gỗ trên thế giới, cũng như các đại lý và hệ thống liên kết phân phối tại Việt Nam;

■ Luôn gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra: *giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn, chất lượng đúng thỏa thuận, luôn cải tiến – sáng tạo và phục vụ tốt nhất;*

■ Mang đến cho cuộc sống những sản phẩm gỗ đẹp mắt, tiện dụng, an toàn, làm cho người sử dụng cảm thấy thoải mái, hạnh phúc và tự tin hơn;

■ Kiến tạo và nuôi dưỡng một "văn hóa Trường Thành" - môi trường làm việc thật khoẻ khoắn và sáng tạo, tôn trọng và vui vẻ, mà trong đó công sức của CBCNV luôn được đền đáp công bằng và xứng đáng; đồng thời, CBCNV được khuyến khích luôn tôn trọng khách hàng cũng như chất lượng sản phẩm của Công ty. Thường xuyên mang đến cho những CBCNV có năng lực, nhiệt tình, thâm niên những cơ hội trở thành người chủ thật sự của Công ty thông qua các chương trình ESOP. Luôn chú trọng công tác đào tạo - huấn luyện để giúp người lao độngcó đủ tự tin và năng lực, nhằm nâng cao hiệu suất làm việc và đủ khả năng đảm trách những vị trí quan trọng hơn;

■ Phát triển trồng rừng sản xuất tại Việt Nam, góp phần bảo vệ môi trường, chống phá rừng trên toàn thế giới, để TTF nói riêng và ngành chế biến gỗ nói chung có thể phát triển bền vững.

Sản phẩm của TTF

Rừng tràm 6 năm tuổi của TTF

■ Đã xây dựng thành công một nền **văn hóa Trường Thành** với nhiều nét riêng. Đây là sợi dây vô hình liên kết hàng ngàn người trong doanh nghiệp cùng chung sức xây dựng cho thương hiệu "Trường Thành;"

■ Nền tảng Công ty được xây dựng dựa trên những **thông lệ và chuẩn mực quản trị tốt nhất** của thế giới;

■ **Tự thiết kế** và bán trên 80% sản lượng từ thiết kế của mình trong hơn 6 năm qua

■ Đã nghiên cứu và phát triển thành công một số dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược cao và tạo bước đột phá như: Ván sàn và ván ép kỹ thuật cao, ván PB cao cấp không độc tố…Đây có thể xem là một cuộc cách mạng trong ngành VLXD và trang trí nội thất

■ Có **nguồn nguyên liệu** ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu của FSC (Forestry Stewardship Council) - C.o.C (Chain of Custody), hoặc đạo luật Lacey của Mỹ, hay của Hiệp định FLEGT của Cộng đồng Chung Châu Âu đang hình thành dự định ban hành trong vài năm tới;

■ Nắm giữ nhiều **bí quyết** làm ra sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn (BS EN 581, BRC, CARB…), về đóng gói (ISTA)… từ nhiều năm trước;

■ Xây dựng thành công 1 thương hiệu B2B (Business to Business) nổi tiếng về chất lượng trong giới mua hàng quốc tế, cũng như đạt được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước về chất lượng và uy tín kinh doanh, đảm bảo **"khách hàng luôn tìm thấy chúng ta"** chứ không phải đi tìm khách hàng như phần lớn các doanh nghiệp khác;

■ Thương hiệu “Truong Thanh” đã được đăng ký **bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam;**

■ Có khả năng **bán hàng trực tiếp** đến các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, nhà bán sỉ lớn trên thế giới - mà không phải lúc nào cũng phải thông qua các công ty trung gian như nhiều bạn đồng ngành khác;

Một số Cán bộ nữ của TTF

■ Đội ngũ **tiếp thị quốc tế** có khả năng tìm kiếm – cập nhật nhanh chóng các thông tin về thị trường, về xu hướng thiết kế, về tình hình nguyên vật liệu.Từ đó, Ban Điều hành sớm đưa ra những định hướng kịp thời và hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

■ Đội ngũ **kinh doanh quốc tế** có khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh, Pháp, Nhật và Hoa, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc đàm phán các hợp đồng ngoại thương cũng như xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống thanh toán quốc tế và xuất nhập khẩu;

Dàn chuyền Sơn UV dành cho Ván Sàn của TTF

■ Sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam - được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật bản - kết hợp công nghệ quang học và điện toán để có thể chọn lọc gỗ bằng mắt thần quang học; cũng như **tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu thô theo giá trị thu hồi bằng phần mềm điện toán, chứ không phải khái niệm tối ưu theo tỷ lệ khối lượng thu hồi** như trước đây. Các máy móc thế hệ mới này được nối lại với nhau bằng cáp quang và thông qua server tại văn phòng chính của Công ty đến bưu điện. Từ đó, khi có yêu cầu, các chuyên gia từ Đức, Ý có thể sửa chữa hoặc vận hành sản xuất theo những thiết kế mới tức thì. Việc trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại này sẽ giúp cho Tập đoàn chúng tôi vượt qua được thử thách trong tương lai, lúc mà lương của công nhân sẽ tăng cao gần 3 lần hiện nay;

■ Có khả năng duy trì và phát triển tốt **hệ thống truy tìm nguồn gốc sản phẩm** đạt chuẩn C.o.C, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS;

■ Có khả năng vận hành nhuần nhuyễn **hệ thống quản lý chất lượng** theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS. Có hơn 50 đánh giá viên nội bộ được đào tạo chính quy và cấp chứng nhận bởi tổ chức BVQI và SGS;

■ Có khả năng **sản xuất những đơn hàng rất lớn** do quy mô sản xuất rộng lớn, dự trữ được nhiều nguyên liệu và đầu tư mạnh cho máy móc thiết bị hiện đại;

■ Ban Điều hành, đặc biệt là Ông Võ Trường Thành - Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT) - người đứng đầu doanh nghiệp, không những **có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng** về quản trị kinh doanh mà còn rất am hiểu về kỹ thuật công nghệ chế biến gỗ. Đây là trường hợp khá hiếm trong ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Và Ông từng là Chủ tịch Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương – 1 tỉnh của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chiếm đến gần 50% kim ngạch XK của toàn quốc

Chủ tịch HĐQT Võ Trường Thành

Rừng tràm của TTF

■ **Sở hữu nhiều cánh rừng đến chu kỳ khai thác lấy gỗ**. Nắm giữ nhiều diện tích đất đai để trồng rừng trong những năm tiếp theo. Áp dụng phương pháp khai thác chế biến luân kỳ và kinh doanh bền vững. Được hỗ trợ kỹ thuật từ những đối tác danh tiếng và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng trên thế giới. Nhận được tài trợ của Chính phủ lên đến 50% trong việc xây dựng vườn ươm - nuôi cấy mô - chọn lọc giống bằng công nghệ Acid deoxyribonucleic (ADN). Vườn ươm của TTF sử dụng công nghệ tưới ngầm tiên tiến và kỹ thuật sinh học thay cho phân bón nên chi phí hoạt động thấp, tiết kiệm được nhiều tài nguyên.

■ Là một nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói. Điều này hạn chế sự lệ thuộc vào những nhà cung cấp bên ngoài Tập đoàn; đồng thời gia tăng sự kiểm soát về chất lượng, giá cả đầu vào và ngày giao hàng cho khách.

QUẢN TRỊ THEO CÁC GIÁ TRỊ

- **HIỆU QUẢ**
- **CÓ TRÁCH NHIỆM**
- **ĐẠO ĐỨC**

Ba giá trị nêu trên đã được đồng nhất trong cuộc sống và công việc của tập thể TTF. Từ quy trình của Công ty cho đến phương châm hành động của toàn thể CBCNV, đều hướng đến những giá trị này:

► **Hiệu quả:** Kinh doanh là để có lợi nhuận, đó là mục đích lâu dài và sống còn của bất kỳ doanh nghiệp nào. Do đó, khi thực hiện bất cứ một việc gì, toàn thể thành viên Tập đoàn phải đảm bảo việc làm đó có **Hiệu quả**. Tuy nhiên, **Hiệu quả** được TTF chấp nhận ở phạm vi rộng hơn, chứ không thuần túy là Lợi nhuận bằng vật chất. **Hiệu quả** đôi khi chỉ là giải quyết được vấn đề. Vì thế, chúng tôi luôn khuyến khích các thành viên trong doanh nghiệp của mình dự đoán được những vấn đề có khả năng xảy ra, và hành động theo mục tiêu là phải giải quyết được vấn đề đó

► **Có trách nhiệm:** Tinh thần **trách nhiệm** là sẵn sàng chia sẻ, đóng góp công sức của mình vào công việc chung và thực hiện công việc đó với khả năng tốt nhất. Ngoài ra, mỗi cá nhân cần có **trách nhiệm** với tất cả những gì mình làm cho dù đó là kết quả tốt hay là một hậu quả xấu. Tinh thần **trách nhiệm** là một yếu tố quan trọng, là điều kiện giúp chúng ta đạt được những mong muốn trong cuộc sống. Cần phải có tinh thần trách nhiệm với chính bản thân, với gia đình, với công việc chung ở mọi lúc mọi nơi. "Quyền lợi luôn gắn với **trách nhiệm"** - với tinh thần này, TTF luôn có **trách nhiệm** với khách hàng và nhà cung cấp, với cổ đông và chính CBCNV của mình.

Một số Cán bộ chủ chốt của TTF

► **Đạo đức:** Ngày nay, rất nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào lợi nhuận và thành công mà xem nhẹ **đạo đức** nghề nghiệp. Đó có thể là sự gian lận, bê bối cũng như sai phạm trong kinh doanh hoặc đó cũng có thể là sự trù dập, hãm hại giữa các nhân viên với nhau. **Đạo đức** trong kinh doanh cũng như trong việc đối nhân xử thế sẽ là tiền đề để xây dựng nên một doanh nghiệp vững mạnh và chuyên nghiệp. Khi **đạo đức** được đề cao thì chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, chất lượng nguồn nhân lực sẽ được tăng lên đáng kể. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp chiếm trọn niềm tin của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp thu được một khoản lợi nhuận không nhỏ. Do đó, tại TTF, chúng tôi luôn nêu cao biểu ngữ **đạo đức** trong kinh doanh.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Câu chuyện khởi nghiệp của Ông Võ Trường Thành – người sáng lập Tập đoàn:

Sau giải phóng, ở Tây Sơn, Bình Định thiếu nhiều giáo viên. Ông Võ Trường Thành được đưa đi đào tạo sư phạm cấp tốc mấy tháng rồi về dạy. Tuy nhiên, ông Thành nghĩ mình không được đào tạo một cách bài bản thì làm nghề giáo sẽ không ổn lắm. Vì vậy, sau hai năm dạy học, ông đã xin nghỉ và vào Sài Gòn, cùng một số bạn bè đăng ký đi thanh niên xung phong. Đó là thời điểm năm 1983. Sau một thời gian ngắn, ông Thành được chuyển qua làm việc tại một xí nghiệp chế biến gỗ của nhà nước, đó là thời điểm ông bước chân vào cái nghiệp gỗ này. Với sự năng động, tận tụy trong công việc, ông được đề bạt làm giám đốc doanh nghiệp quốc doanh ở tuổi 28.

Trong suốt 10 năm là thanh niên xung phong thì đến 8 năm ông làm ngành khai thác và chế biến gỗ. Do đó, khi ông quyết định ra kinh doanh riêng là ông nghĩ ngay đến nghề gỗ này. Đến năm 1992, ông được phục viên. Gom góp, vay mượn thêm của gia đình được một số tiền nhỏ trị giá khoảng 3000 đô la Mỹ, ông thành lập cơ sở nhỏ chế biến gỗ tại EaH'leo – Dak Lak, do ông rất thông thuộc địa bàn Dak Lak và vốn liếng không có đủ để làm ở Sài Gòn. ***Năm 1993, cơ sở được nâng lên là doanh nghiệp, lấy tên Xí nghiệp Tư doanh Chế biến Gỗ Trường Thành****.*

NĂM 2000

Sau 8 năm khởi nghiệp và chuyến đi du học về quản trị kinh doanh tại Mỹ, Ông Võ Trường Thành đã tìm đến Bình Dương, mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh, chuyên sản xuất đũa gỗ, để chuyển thành nhà máy chế biến ván sàn và đồ gia dụng nội – ngoại thất bằng gỗ cho thị trường xuất khẩu, chính thức thành lập **Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF)**

NĂM 2001

Sau khi thành lập phòng tiếp thị quốc tế, với biên chế vỏn vẹn 2 người, với bức xúc khi bị quá nhiều thiệt thòi vì phải bán hàng xuất khẩu qua trung gian, TTF đã mạnh dạn "mang quân đi đánh xứ người" tại những hội chợ chuyên ngành quốc tế tại Singapore, Mỹ và Nhật Bản, tiếp cận hơn 300 khách hàng mới, **bắt đầu bán hàng trực tiếp vào các hệ thống siêu thị** hàng đầu Châu Âu như Carrefour, Homebase ... và những khách hàng nổi tiếng như Lapeyre, Alexander Rose...

NĂM 2002

Với uy tín về chất lượng và giao hàng đúng hẹn, TTF đã nhận được rất nhiều đơn hàng, lớn hơn công suất sản xuất nội tại. Từ đó, chúng tôi bắt đầu chuyển một số đơn hàng ra cho một số bạn đồng ngành.

NĂM 2003

Ý thức cao trong việc "giữ chân" nhân tài, Ông Võ Trường Thành đã cùng Hội đồng Thành viên quyết định **chuyển loại hình công ty "TNHH" sang "cổ phần"** với chương trình ưu đãi cho một số cán bộ chủ chốt mua cổ phần với giá bằng mệnh giá

NĂM 2004

Trước tình hình đơn hàng cứ tăng liên tục trên 20%/năm, TTF tiếp tục chuyển một số đơn hàng ra cho các bạn đồng ngành khác tại TP.HCM, Bình Dương và Quy Nhơn với khối lượng đến 50% tổng đơn hàng

NĂM 2005

Nhận được những giải thưởng quốc tế cao quý dành cho chất lượng:

- **"Cúp vàng chất lượng Châu Âu"** (European Trophy For Quality) do Trade Leader's Club trao tặng tại Roma – Ý vào tháng 10

- **"Cúp vàng Chất lượng Quốc tế"** (International Trophy For Quality) do Trade Leader's Club (Câu lạc Bộ Doanh nhân hàng đầu thế giới) trao tặng tại Tây Ban Nha vào tháng 11

- **"Huy chương quản lý chất lượng toàn cầu"** được Trade Leader's Club trao tặng cho Chủ tịch Võ Trường Thành tại Tây Ban Nha vào tháng 11

NĂM 2006

- Với thực trạng hàng hóa đặt bên ngoài phần lớn có chất lượng không đồng bộ với Công ty và thường xuyên bị trễ, chúng tôi quyết định mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc **đầu tư vào 03 nhà máy chế biến gỗ tại Dak Lak và Bình Dương**. Bên cạnh đó, TTF còn thực hiện chiến lược hội nhập lùi bằng cách đầu tư vào công ty Lidovit – một nhà cung cấp vật tư lớn của Công ty. Tổng vốn đầu tư dài hạn lên đến gần 15 tỷ đồng.
- Sau gần 10 tháng tìm hiểu, thẩm định kết quả kinh doanh cũng như đánh giá tiềm năng phát triển của TTF, **Quỹ Aureos Đông Nam Á (ASEAF) đã trở thành cổ đông nước ngoài đầu tiên của Công ty vào ngày 31/12/2006, đánh dấu một bước ngoặc quan trọng cho sự phát triển của TTF.**

● Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng **"Sao vàng Chất lượng Quốc tế"** (International Gold Star Award) do tổ chức BID trao tặng vào tháng 10 tại Thụy Sỹ.

NĂM 2007

● Được tổ chức OtherWays (Pháp) trao tặng Giải vàng Châu Âu cho **Chất lượng và Uy tín thương mại** (Golden Europe For Quality & Commercial Prestige) vào tháng 10 tại Berlin – Đức.

● Tiếp tục được Tổ chức Business Initiative Directions (BID) trao tặng giải thưởng **"Sao Bạch Kim Chất lượng Quốc tế"** (International Platinum Star Award) vào tháng 11 tại Thụy Sỹ;

Chủ tịch Võ Trường Thành nhận cúp Sao Bạch Kim Chất lượng Quốc tế

TTF nhận giải Sao vàng Chất lượng Quốc tế 2006

TTF trao chứng nhận đầu tư cho Quỹ Aureos Đông Nam Á

● Để đáp ứng vốn cho việc đầu tư mở rộng nêu trên, cũng như vốn lưu động cho nhu cầu sản xuất ngày mỗi lớn hơn, Công ty đã phát hành cho cổ đông riêng lẻ và tiến hành IPO thu hút vốn từ các nguồn cổ đông trong và ngoài nước, **tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng cùng với thặng dư vốn trên 470 tỷ đồng**

● **Tiếp tục đầu tư mảng chế biến gỗ** vào 1 công ty tại TP.HCM và 1 công ty tại Phú Yên. Bên cạnh đó, bắt đầu thành lập các công ty trồng rừng tại Dak Lak và Phú Yên theo dự án trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam. Đồng thời TTF còn đầu tư tài chính vào một số công ty ngoài ngành như Sông Hậu (thủy sản), Quỹ Bản Việt (y tế) và Phú Hữu Gia (bất động sản). Tổng phát sinh vốn đầu tư dài hạn trong năm là khoảng **250 tỷ đồng**.

TTF chính thức niêm yết trên sàn Chứng khoán HOSE

TTF được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia giai đoạn 2008 - 2009

NĂM 2008

● Ngày 1/2/2008, Công ty đã nhận được quyết định số 24/QD-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) cho phép niêm yết chính thức 15.000.000 cổ phần TTF. Và ngày giao dịch chính thức đầu tiên của TTF trên HOSE là 18/2/2008. Đây là một cột mốc rất quan trọng của Tập đoàn Trường Thành

● Là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên có thương hiệu được Chính phủ chọn vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia**

● Tiếp tục đầu tư thêm khoảng 57 tỷ vào các công ty đã nêu, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **322 tỷ đồng**

Rừng tràm của TTF tại Đăk Lăk

NĂM 2009

● Đạt giải **Báo cáo thường niên tốt nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) tổ chức xét chọn

● Tiếp tục đầu tư thêm 74 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty chế biến gỗ tại Bình Dương, 1 công ty quản lý cụm công nghiệp tại Dak Lak, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **396 tỷ đồng**

NĂM 2010

● Tiếp tục được lựa chọn là một trong 43 doanh nghiệp tham gia vào Chương trình **Thương hiệu Quốc gia lần 2**

● **Hai lần ra tòa án** với những vụ kiện của Ông Trần Hoài Nam – Công ty Tân Phát, trong đó 1 lần do Công ty Tân Phát kiện TTF để đòi khoản nợ 1.845.402.000 đồng, và 1 lần do TTP (công ty con của TTF) kiện Công ty Tân Phát để đòi khoản nợ 28.304.035.467 đồng và một số lãi suất phát sinh trên số nợ. Kết quả là Bản án số 46/2010/KDTM-PT quyết định buộc Công ty Tân Phát phải trả cho TTP số tiền 25.358.121.000 đồng.

● Bị UBCK phạt 70 triệu đồng và HOSE cảnh cáo toàn thị trường chứng khoán về việc **báo cáo tài chính của năm 2008 và 2009 hợp nhất chưa đầy đủ**. Nguyên nhân là do TTF nhận thức chưa đúng về một số chuẩn mực kế toán liên quan đến hợp nhất. Tuy nhiên, Công ty đã khắc phục vấn đề này ngay trong Báo cáo tài chính năm 2010.

● Tiếp tục đầu tư thêm 54 tỷ đồng vào các công ty đã nêu, 1 công ty làm bao bì cho sản phẩm gỗ, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng **450 tỷ đồng**.

● Đạt giải **Báo cáo thường niên xuất sắc nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) tổ chức xét chọn

TTF được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia giai đoạn 2010 - 2011

TTF nhận giải Báo cáo thường niên xuất sắc nhất năm 2010

NĂM 2011

● Đạt giải **Báo cáo thường niên tốt nhất** do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) tổ chức xét chọn

● Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng "**Cúp Kim cương Chất lượng Quốc tế**" do tổ chức BID trao tặng vào tháng 4 tại Pháp.

TTF nhận giải Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011

TTF giới thiệu tính ưu việt của sản phẩm ván sàn kỹ thuật cao cho một số khách tham quan đến từ Câu lạc bộ CEO

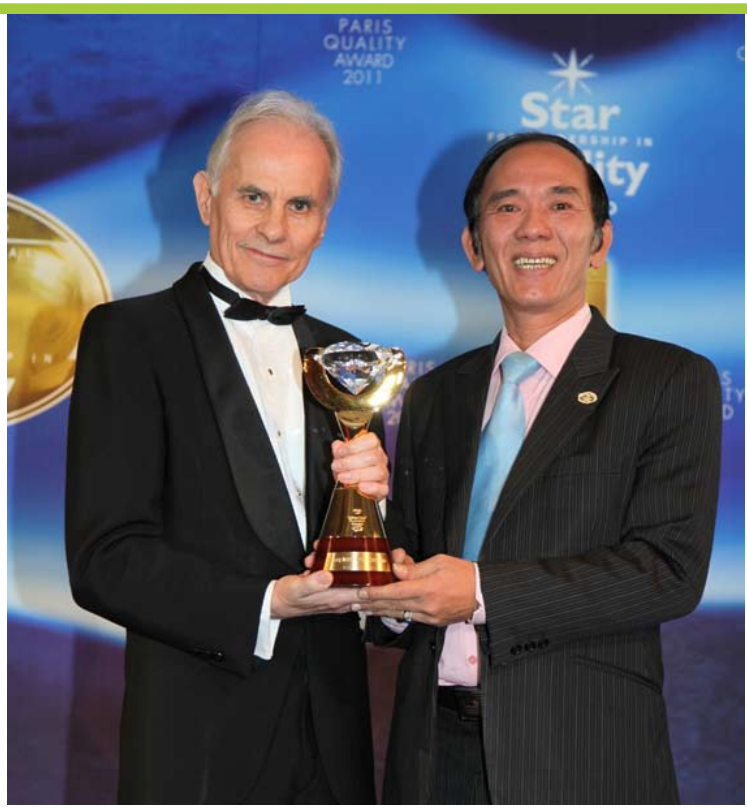

TTF nhận Cúp Kim Cương Chất lượng Quốc tế năm 2011

● Chính thức khai sinh cho dòng sản phẩm **Ván sàn Kỹ thuật cao** với đặc tính siêu chịu nước (đun sôi 72 giờ không bị hư hỏng) và siêu chống trầy xước (độ cứng 8H, độ mài mòn AC5).

● Trước tình trạng CPI tăng cao làm cho đời sống công nhân gánh chịu nhiều khó khăn, nên TTF đã quyết định **tăng lương 3 lần/năm tổng cộng tương đương khoảng 20%** nhằm giữ công nhân, cán bộ quản lý sản xuất và QLCL. Vì đây là những lực lượng đã được Công ty đầu tư vào huấn luyện đào tạo rất công phu; ngoài ra còn tránh việc mất nhiều công nhân dẫn đến việc giảm sản lượng và phải bồi thường hợp đồng cho khách hàng vì giao hàng trễ hoặc không giao được

● **Thành lập Phòng thí nghiệm** phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển của Công ty. Phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện việc kiểm soát từ các loại hóa chất, độc tố trong sản phẩm đến khả năng kiểm soát về cơ lý, độ bền vật liệu của gỗ, ván nhân tạo và sản phẩm. Qua sự đầu tư này, Công ty đã có khả năng nghiên cứu và phát triển tốt hơn sẽ giúp bộ phận sản xuất có thể tạo ra nhiều sản phẩm tốt trong tương lai và thu hồi được vốn đầu tư nhanh chóng. Các dòng sản phẩm này sẽ được chính thức tung ra thị trường VN và quốc tế từ tháng 5/2012.

● **Xây dựng Tổng kho** của TTF tại Tân Uyên, Bình Dương, với tổng đầu tư khoảng **90 tỷ đồng**

● **Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Bình Chuẩn – Thuận An – Bình Dương**, để di dời nhà máy tại đây lên khu vực Tân Uyên, cạnh nhà máy của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành, nhằm giảm chi phí vận chuyển và gia tăng quản lý.

● Tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là **gần 519 tỷ đồng**, sau khi trích lập dự phòng khoảng 32,2 tỷ thì còn **khoảng 487 tỷ đồng**

Sản phẩm của TTF

NĂM 2012

● Đạt giải Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) tổ chức xét chọn

● Được trao tặng Bằng khen Đã có nhiều năm có Báo cáo Thường niên được trao giải tại các cuộc bình chọn BCTN trong 5 năm qua do Chủ tịch UBCKNN ký tặng

● Sự việc giảm vay ngắn hạn gần 154 tỷ theo tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2012 và theo yêu cầu của các ngân hàng dưới chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ - trong bối cảnh Tập đoàn chưa thể tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, làm cho TTF rơi vào **giai đoạn khó khăn nhất về ngân lưu** từ khi thành lập năm 2000 đến nay. Do đó, Công ty không thể hoàn tất đơn hàng và xuất đúng hẹn cho khách, dẫn đến việc **lần đầu tiên sụt giảm doanh số** trong quá trình hình thành và phát triển, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất **đã bị lỗ khoảng 2,9 tỷ đồng**

5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH & BỘ MÁY QUẢN LÝ

5.1.MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Từ khi Công ty chuyển từ TNHH sang Cổ phần năm 2003, mô hình quản trị TTF bao gồm :

- Đại hội Đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị (bao gồm nhiều tiểu ban) và Ban Kiểm soát
- Ban Điều hành: đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách các khối theo chức năng

Xuất phát từ Mô hình truyền thống trong những năm đầu thành lập, TTF hiện nay đang quản trị theo Mô hình của thế kỷ 21 với những đặc tính cơ bản như :

- Các phòng ban, đơn vị phụ thuộc lẫn nhau
- Đề cao tinh thần đội nhóm khi làm việc
- Chú trọng vào khách hàng, chất lượng và dịch vu
- Truyền đạt đa chiều
- Đào tạo đa kỹ năng, đa chức năng, chẩn đoán và giải quyết vấn đề

5.2. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

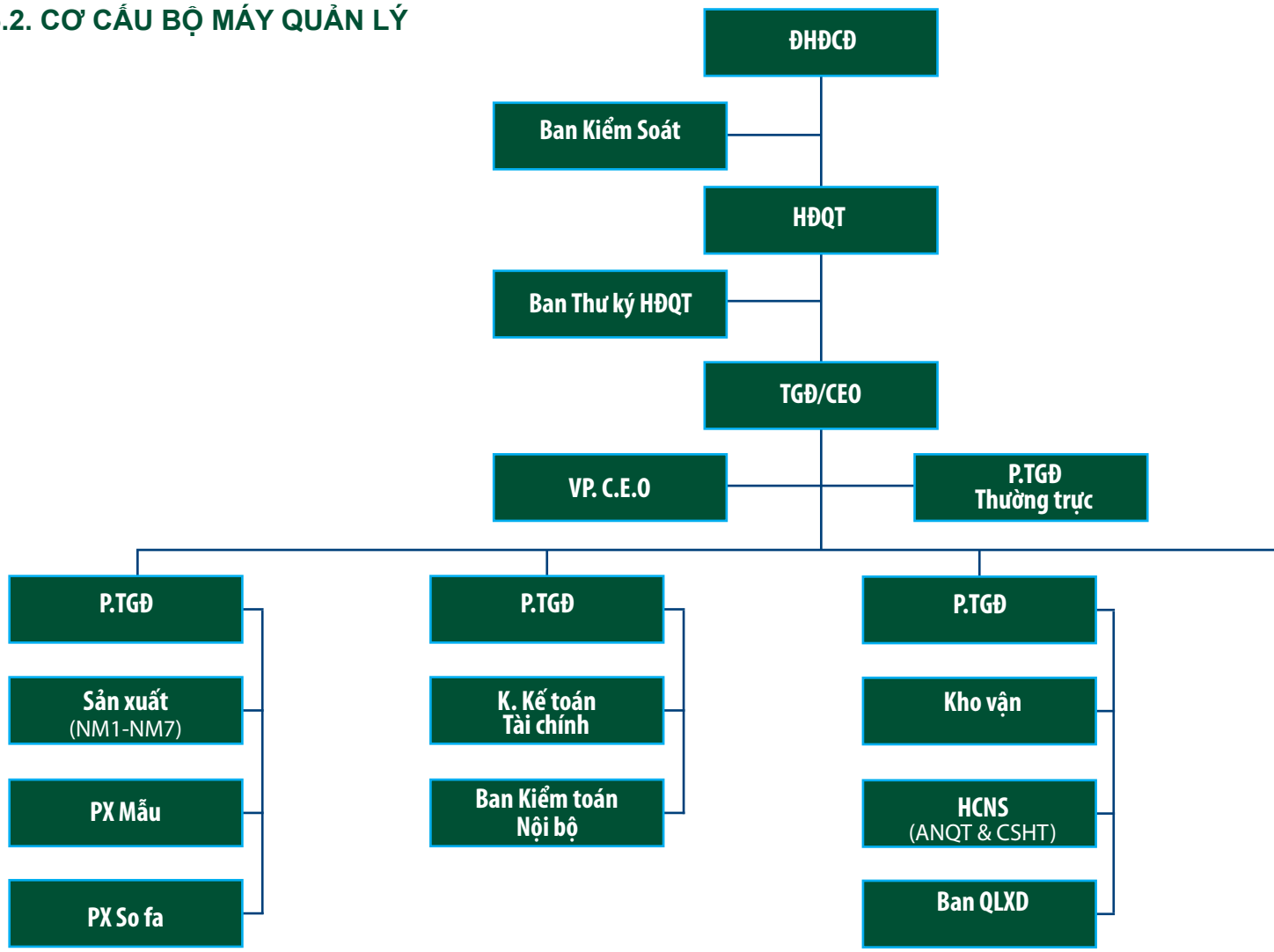

GHI CHÚ

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT: Hội đồng Quản trị
(P)TGĐ: (Phó) Tổng Giám đốc
CEO: Chief of Officer, Tổng Giám đốc
QLCL: Quản lý Chất lượng
QLNLT: Quản lý nguyên liệu thô
KD-TT: Kinh doanh - Tiếp thị
HC-NS: Hành chính - Nhân sự
ANQT: An ninh quản trị
QLXD: Quản lý xây dựng
CNTT: Công nghệ Thông tin
B**KS**: Ban Kiểm soát
XNK: Xuất nhập khẩu
NM: Nhà máy
PX: Phân xưởng
NVL: Nguyên vật liệu
CSHT: Cơ sở hạ tầng
VP: Văn phòng
K: Khối
P: Phòng

- P.TGĐ
- K.KD-TT Quốc tế
- K.KD-TT Nội địa
- K.HCNS (HCNS)
- K.Cung ứng
- K.KSTT
- Ban Đào tạo
- Trực tuyến TGĐ
  - K.Kỹ thuật Thiết kế
  - K.Kế hoạch
  - K.Nguyên liệu (gồm cả B.QLNLT)
  - K.Công trình
  - K.QLCL
  - K.XNK
  - K.Kinh doanh NVL
  - K. Sản xuất (NM8-NM10)
  - P.Cơ điện (Chế tạo)
  - P.CNTT

5.3. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

5.3.1. CÁC CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

5.3.1.1. CTY CP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Km86, QL14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak
Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **30.000.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70%

5.3.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak
Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **28.000.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70%

5.3.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương
Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **126.239.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 64,16%

5.3.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương
Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh ván ép, ván lạng và ván dăm
Vốn điều lệ thực góp: **51.000.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 100%

5.3.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak
Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **57.771.585.457 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,97%

5.3.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak
Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **58.191.490.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 46,07%

5.3.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **40.000.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 68,52%

5.3.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **53.244.606.834 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,99%

5.3.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Đào Trinh Nhất, KP1, Phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM
Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **12.800.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 97,50%

5.3.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: 204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, Dak Nông
Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **1.787.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,44%

5.3.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Dak R'Lấp, Dak Nông
Ngành nghề KD chính: thương mại XNK các mặt hàng lâm sản và NVL ngành chế biến gỗ
Vốn điều lệ thực góp: **15.823.621.978 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 82,97%

5.3.1.12. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Địa chỉ: Cụm công nghiệp M'Đrắk, xã Krong Jing, huyện M'Đrắk, Dak Lak
Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ, trồng rừng
Vốn điều lệ thực góp: **5.379.363.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 97,78%

5.3.2. CÁC CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

5.3.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Địa chỉ: xã Hòa Tiến, huyện Krong Pa81k, tỉnh Dak Lak
Ngành nghề KD chính: trồng rừng và chăm sóc rừng, sản xuất cây giống, dịch vụ khai thác lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **5.400.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 85,37%

5.3.2.2. CTY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH – PHƯỚC AN

Địa chỉ: 107 Lê Duẩn, khối 4, thị trấn Phước An, huyện Krong Pak, Dak Lak
Ngành nghề KD chính: sản xuất VLXD từ đất sét
Vốn điều lệ thực góp: **9.700.000.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51,55%

5.3.3. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

5.3.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 19 đường số 11, KP1, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM
Ngành nghề KD chính: chế biến và kinh doanh sản phẩm bao bì giấy
Vốn điều lệ thực góp: **4.570.000 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 43,76%

5.3.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản
Vốn điều lệ thực góp: **166.413.486.650 VND**
Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51%

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

6.1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

● Kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
● Khép kín công nghệ từ trồng rừng đến chế biến – nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để sản xuất các dòng hàng đặt thù mang thương hiệu TTF
● Duy trì TOP 3 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất Việt Nam;
● Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 5 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ và ván sàn gỗ có doanh số cao nhất ASEAN từ năm 2017;
● Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 3 nhà trồng rừng tư nhân (có sản xuất chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất ASEAN từ năm 2020;
● Trở thành Top 3 thương hiệu nổi tiếng trong lĩnh vực thi công trang trí nội thất tại thị trường nội địa từ năm 2013.
● Đưa thương hiệu quốc gia ra thị trường thế giới, thông qua mạng lưới bán lẻ, đến tận tay người tiêu dùng tại các nước như Mỹ, Pháp và Anh (đã đăng ký bảo hộ thương hiệu tại những quốc gia này).
● Niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế, để đảm bảo nguồn huy động vốn lớn, đáp ứng các mục tiêu của Công ty
● Trở thành một Tập đoàn sản xuất – kinh doanh đa ngành, cụ thể bao gồm các ngành sau: chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ, chế biến và kinh doanh ván gỗ nhân tạo, trồng rừng và khai thác gỗ, quản lý và cho thuê mặt bằng cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản.... Tuy nhiên, TTF sẽ luôn tập trung trên 70% các nguồn lực cho ngành nghề cốt lõi của Công ty là trồng rừng và chế biến gỗ

6.2. CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

● Thực hiện thành công dự án trồng 100.000 ha rừng tại Việt Nam theo hình thức trồng cuốn chiếu trung bình 5.000ha/năm

● Nghiên cứu và chế tạo các loại ván, các loại sản phẩm gỗ không chứa độc tố (ví dụ: formaldehyde, chì, thủy ngân....), hoặc chỉ chứa hàm lượng đạt tiêu chuẩn an toàn chung của Châu Âu, Mỹ và Nhật bản trong từng giai đoạn

● Duy trì việc trao học bổng hằng năm cho sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, và khi có điều kiện tài chính tốt hơn sẽ thực hiện thêm đối với sinh viên các trường khác

● Luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh viên trong và ngoài nước đến thực tập hằng năm tại Công ty

Trao học bổng cho sinh viên Đại học Nông lâm TP.HCM

Lễ Tốt nghiệp khóa đào tạo chế biến gỗ cho học viên Nam Phi

Tài trợ cho ngày hội Thông tin Ngành nghề của các Trường Đại học

Đại hội Cổ Đông của TTF

Chủ tịch HĐQT trả lời thắc mắc cho công nhân trong chương trình Open Door được tổ chức hàng Quý

● Hằng năm đều thực hiện chương trình ủng hộ cho trẻ em nghèo, gia đình cơ nhỡ và đồng bào lũ lụt theo ngân sách cho phép của Công ty

● Đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động của Công ty theo quy định của luật pháp

● Đảm bảo thu nhập bình quân của công nhân sản xuất trực tiếp cao hơn mức lương tối thiểu mà Nhà nước quy định ít nhất 30%, và tăng trưởng hơn 10%/năm (khi Công ty có điều kiện thuận lợi về tà chính và chỉ số này tương ứng là 50% và 30%)

● Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho các cổ đông theo quy định của luật pháp trong từng thời điểm. Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông nhưng vẫn đảm bảo kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng

● Cung cấp cho CB-CNV một môi trường làm việc công bằng, sáng tạo, tuân thủ luật lao động của Việt Nam cũng như của ILO và một số yêu cầu của khách hàng lớn trên thế giới

7. CÁC RỦI RO CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2013

Rủi ro 1: Trong bối cảnh thiếu ngân lưu hoạt động của năm 2012, TTF đã thế chấp hầu hết tồn kho nguyên liệu chậm luân chuyển để vay ngân hàng. Do đó, khi cần giảm tồn kho này thông qua bán hoặc đưa vào sử dụng, thì Công ty cần phải có khoản tiền tương ứng chuyển cho ngân hàng để giải chấp gỗ. Vì vậy, nếu ngân lưu chưa mạnh mẽ thì TTF cũng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ hàng tồn kho này

Rủi ro 2: Việc giữ nguồn tiền về của TTF một cách "bất ngờ" như một số ngân hàng đã cho Công ty vay đang thực hiện, theo một số chủ trương cắt giảm hạn mức mà không báo trước, sẽ gây ra khó khăn nhiều hơn đối với ngân lưu của chúng tôi

Rủi ro 3: Lãi suất cho vay đối với TTF vẫn còn cao (khoảng 11% - 17%) và khó mà giảm thêm nhiều trong năm 2013 vì Công ty bị mất vị thế thương lượng sau 1 năm bị sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận

Rủi ro 4: Đồng USD dự kiến không tăng giá so với VND vì cán cân thương mại của Việt Nam đã có biểu hiện tốt hơn qua việc tăng xuất hàng điện tử (đáng kể là từ SamSung Việt Nam)

Rủi ro 5: Lạm phát VN vẫn ở mức 6-8%, thông qua việc các tổng công ty Nhà nước lên giá các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu, điện, nước, gas...

Rủi ro 6: Chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ đã kéo dài quá lâu dẫn đến tình trạng sẽ có nhiều doanh nghiệp nói chung, cũng như TTF nói riêng tiếp tục bị suy yếu

Rủi ro 7: Kiều hối và FII cũng tăng trường tốt do kinh tế Mỹ hồi phục, thất nghiệp Mỹ giảm đáng kể, chính phủ Nhật bản khuyến khích đầu tư về VN

Rủi ro 8: Tình hình bất động sản vẫn còn xấu sẽ làm cho thị trường trang trí nội thất và kinh doanh đồ gỗ tại nội địa không tăng trưởng mạnh

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

PHẦN 2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Diễn giải	Thành tiền (VND)
1	Doanh thu thuần	2.620.427.610.183
2	Lợi nhuận gộp	334.876.561.408
3	Lợi nhuận sau thuế	- 2.902.491.010
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	2.496.371.060
5	EPS	74

1.2. Những thay đổi, biến động lớn

1.2.1. Về Doanh thu
Sụt giảm hơn 50% trong Quý IV so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến việc giảm doanh số của cả năm gần 13% so với năm 2013

1.2.2. Về Lợi nhuận
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất đã bị lỗ khoảng 2,9 tỷ đồng, trong khi năm trước là lãi khoảng 11 tỷ đồng, thể hiện sự giảm sút trầm trọng. Riêng lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ thì chỉ còn gần 2,5 tỷ, giảm 73% so với năm 2011

1.2.3. Về Chi phí
Công ty đã có nhiều cải tiến trong quản trị chi phí. Do đó, so với năm trước thì:
- Chi phí tài chính giảm 17,54%
- Chi phí bán hàng giảm 33,31%
- Chi phí quản lý giảm 18,40%
- Giảm nhẹ đối với Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần

1.2.4. Về thị trường
TTF ưu tiên hơn cho các đơn hàng công trình nội địa, do có phương thức thanh toán tốt hơn, cũng như có tỷ lệ lợi nhuận thô/ doanh thu cao hơn các đơn hàng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn tăng cường bán nguyên vật liệu ngành chế biến gỗ từ tồn kho và do công ty con tự sản xuất. Do đó, tỷ lệ doanh thu cho thị trường nội địa cũng đã tăng dần lên, ngang ngửa với thị trường xuất khẩu

1.2.5. Về sản phẩm

- Đối với xuất khẩu, dòng hàng ngoài trời đã tăng lên thành 40% do TTF xuất hàng cho IKEA nhiều loại hàng này trong năm 2012
- Đối với nội địa thì dòng hàng ván sàn kỹ thuật cao đã tăng đến hơn 300% so với 2011. Hiện nay, Công ty đã có đầy đơn hàng cho dòng sản phẩm này đến tháng 10/2013

1.3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: ngàn đồng

Diễn giải	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	So với năm 2011	So với kế hoạch 2012
Doanh thu thuần	2.998.948	3.000.000	2.620.427	- 12,62%	- 12,66%
Lợi nhuận gộp	362.033	390.000	334.876	- 7,5%	- 14,13%
Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần	87,93%	87,00%	87,22%	- 0,81%	+ 0,25%
Chi phí tài chính	292.146	233.000	240.894	- 17,54%	+ 3,39%
Chi phí bán hàng	27.643	36.000	18.435	- 33,31%	- 48,79%
Chi phí quản lý	109.124	110.000	89.047	- 18,40%	- 19,05%
Lợi nhuận sau thuế	11.035	40.000	- 2.902	- 126,30%	- 107,26%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	9.292	Không thiết lập	2.496	- 73,14%	
EPS (đồng)	297	1.282	74	- 75,08%	- 94,23%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2011 và 2012 của TTF, và kế hoạch kinh doanh đã thông qua trong ĐHCĐ thường niên 2012

Nguyên nhân:

a) Trong năm 2012, theo nghị quyết của ĐHĐCĐ về giảm vay, và với chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ, Tập đoàn đã giảm vay ngắn hạn trong năm là khoảng 154 tỷ đồng. Đồng thời với áp lực từ các nhà cung cấp, Công ty cũng đã giảm "Phải trả người bán" khoảng 101 tỷ đồng; nhưng chỉ có thể tăng "Người mua trả tiền trước" chỉ khoảng 3 tỷ đồng. Mặt khác, TTF cũng không thể hoàn tất chương trình tăng vốn thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, do yếu tố thị trường chứng khoán sụt giảm và thủ tục xin cấp phép phát hành. Tất cả những điều này đã làm cho Công ty thiếu vốn lưu động trầm trọng, dẫn đến tình trạng chỉ có thể hoàn tất khoảng 40% những đơn hàng đã nhận trong Quý 4/2012. Vì vậy, nguyên năm 2012 doanh số sụt giảm gần 13% so với năm 2011, đồng thời lợi nhuận cũng đã giảm đáng kể.

b) Chi phí tài chính vẫn còn quá cao, xuất phát chủ yếu do:
● Tồn kho chậm luân chuyển chưa được thanh lý nhiều
● Đầu tư tài chính dài hạn chưa có kết quả tốt do các công ty con còn thua lỗ trong bối cảnh thiếu vốn hoạt động, và các công ty trồng rừng chưa có nguồn thu đáng kể

TỔ CHỨC &
NHÂN SỰ

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Danh sách Ban Điều hành

Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tốt nghiệp tại Hoa Kỳ

Có hơn 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ

Đã đi hơn 25 nước trên thế giới để tìm hiểu về công nghệ chế biến gỗ hiện đại và trồng rừng

Từng nắm giữ các vị trí quan trọng trong các hiệp hội như: *Cố vấn Hội Doanh nghiệp trẻ Dak Lak, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Dak Lak, Thành viên Ban Thường trực Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TP.HCM, Chủ tịch Hiệp hội Chế Biến Gỗ Bình Dương (BIFA)*

Hiện nay là: *Thành viên Ban Chấp hàng Hội Lâm sản Việt Nam, Thành viên Ban Thường trực Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Toàn cầu tại Việt Nam (GFTN) trực thuộc WWF, Thành viên Câu lạc bộ Doanh nhân hàng đầu Thế giới*

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 7.377.568 cp, chiếm 12,49%

Tổng Giám đốc,
kiêm Chủ tịch HĐQT
Ông Võ Trường Thành

Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm

Có gần 15 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ

Hiện đảm nhận vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 191.280 cp, chiếm 0,32%

Phó Tổng Giám đốc,
kiêm Ủy viên HĐQT
Ông Tạ Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc,
kiêm Ủy viên HĐQT
Bà Ngô Thị Hồng Thu

Sinh năm 1977, Thạc sỹ & Tiến sỹ QTKD. Được đào tạo tại Hoa Kỳ năm 2002 về gỗ và chế biến gỗ trong chương trình tài trợ bởi Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ

Có gần 13 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ

Đã đi hơn 22 quốc gia để tìm hiểu về nguyên liệu gỗ, xu hướng thiết kế sản phẩm gỗ và xúc tiến thương mại cho Công ty

Phụ trách điều hành Khối Kinh doanh – Tiếp thị Quốc tế, Khối Kinh doanh – Tiếp thị Nội địa, Khối Kiểm soát Tuân thủ, Khối HCNS, Khối Cung ứng và Ban Đào Tạo

Kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) tại Tân Uyên, Bình Dương.

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 405.761 cp, chiếm 0,69%

Phó Tổng Giám đốc,
kiêm Ủy viên HĐQT
Ông Võ Diệp Văn Tuấn

Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường Đại học Kaplan của Mỹ, Cử nhân QTKD của trường Đại học Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA, Mỹ

Có hơn 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam

Phụ trách điều hành vKhối Tài chính – Kế toán và Ban Kiểm toán Nội bộ

Kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3) tại Tân Uyên, Bình Dương.

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 253.497 cp, chiếm 0,43%

Sinh năm 1962, Cử nhân Đại học Bách Khoa – ngành Kỹ thuật xây dựng

Có hơn 24 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng

Phụ trách điều hành Khối Kho vận, An ninh Quản trị, Cơ sở hạ tầng và Quản lý Xây dựng

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 33.090 cp, chiếm 0,06%

Phó Tổng Giám đốc, kiêm Ủy viên HĐQT
Ông Đinh Văn Hóa

Sinh năm 1973, Kỹ sư Cơ khí Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM

Có hơn 16 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ từ vị trí kỹ thuật viên đến quản lý điều hành

Phụ trách điều hành Khối Sản xuất, Phân xưởng Mẫu và Phân xưởng Sofa

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 10.579 cp, chiếm 0,02%

Phó Tổng Giám đốc,
Ông Lê Minh Ngọc

Phó Giám đốc Tài chính,
Ông Đỗ Ngọc Nam

Sinh năm 1982, đang học Thạc sỹ Kinh tế ngành Tài chính, tốt nghiệp khóa học Kế toán trưởng, Cơ bản TTCK, Luật chứng khoán, Phân tích và đầu tư chứng khoán

Có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính

Được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính ngày 16 tháng 4/2013

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 3.784 cp, chiếm 0,006%

Kế Toán trưởng,
Ông Nguyễn Ngọc Lễ

Sinh năm 1979, cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, tốt nghiệp khóa học Kế toán trưởng

Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 8/4/2013: 2.524 cp, chiếm 0,004%

2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành

Thời gian	Thời gian	**Miễn nhiệm**	**Ghi chú**	**Số lượng thành viên BĐH sau khi bổ sung/ miễn nhiệm**
10/9/2012	Ông Đinh Văn Hóa – PTGĐ		Phụ trách Kho vận, An Ninh Quản trị, Môi trường, Cơ sở hạ tầng và Quản lý xây dựng	7
10/9/2012	Ông Lê Minh Ngọc – PTGĐ		Phụ trách Khối sản xuất tinh chế (kể cả Mẫu và Sofa)	8
1/10/2012		Ông Huỳnh Phú Quốc – PTGĐ	Do vi phạm Điều lệ của TTF và một số thỏa thuận khác đã ký kết với Công ty	7
1/10/2012		Ông Nguyễn Văn Hậu – KTT	Do nhu cầu chuyển về TP.HCM để tiện việc riêng cần giải quyết	6
1/10/2012	Ông Nguyễn Ngọc Lễ - KTT		Thay thế cho Ông Nguyễn Văn Hậu	7

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.3.1. Số lượng người lao động trong Công ty (kể cả các công ty con trong Tập đoàn)

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 **là 4.972 người**, trong đó:

- Cán bộ điều hành và quản lý: 104 người, chiếm khoảng 2,1%
- Nhân viên văn phòng, và **gián tiếp** sản xuất: 749 người, chiếm khoảng 15,1%
- Nhân viên, công nhân **trực tiếp** sản xuất: 4.119 người, chiếm khoảng 82,8%

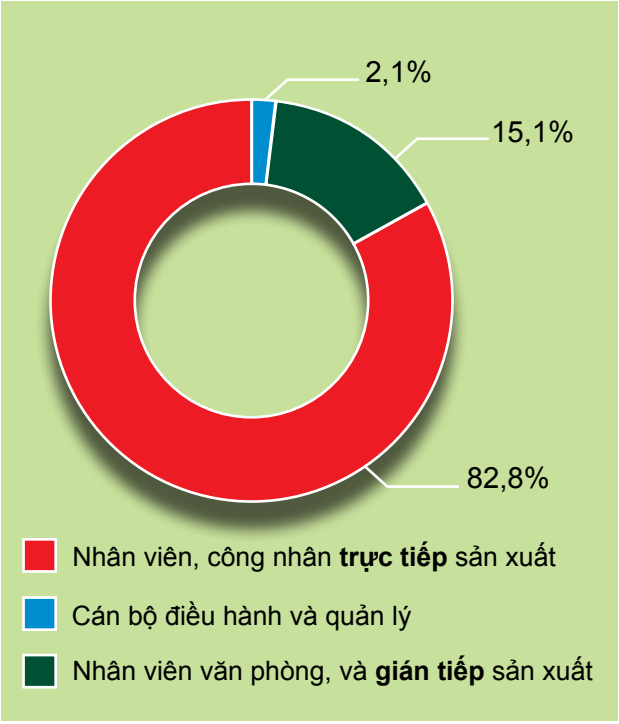

2.3.2. Chính sách đối với người lao động:

2.3.2.1. Chế độ làm việc:

● Công ty thực hiện chế độ 40 giờ/tuần (làm việc 5 ngày/tuần) đối với lực lượng lao động và 48 giờ/tuần (làm việc 6 ngày/tuần) đối với lực lượng trực tiếp

● Còn lại các chế độ khác đều tuân thủ theo Luật Lao động hiện hành của Việt Nam

2.3.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

a) Tuyển dụng

● Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội) và ILO (International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế)

● Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Tập đoàn, cũng như tăng cường cho các công ty con.

● Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.

● Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến cũng có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.

● Đối với công nhân, chúng tôi ưu tiên tuyển những người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển, và đào tạo họ trở thành công nhân kỹ thuật lành nghề, đồng thời trang bị nhà ở đầy đủ tiện nghi cho người lao động. Điều này góp phần ổn định lực lượng công nhân đông đảo của Công ty.

b) Đào tạo và huấn luyện

● Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất khá cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Chính yếu tố này góp phần làm cho hệ thống quản trị của TTF luôn theo kịp giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển.

● Các khóa đào tạo – huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:

+ Kỹ năng lãnh đạo

+ Kỹ năng quản lý

+ Kỹ năng quản trị văn phòng

+ Một số kỹ năng mềm để làm việc tốt hơn như: Giao tiếp hiệu quả, Quản trị thời gian, Giải quyết vấn đề, Giải quyết mâu thuẫn, Làm việc đồng đội….

+ Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng

+ Quy trình sản xuất của từng nhà máy

+ Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ

Đào tạo CB-NV tại TTF

+ Tiêu chuẩn thiết kế thông minh
+ Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị
+ Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm
+ Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn gốc sản phẩm), đạo luật Lacey của Mỹ, hiệp định FLEGT của Châu Âu
+ PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử dụng hoá chất
+ ISO 9001:2008, SA 8000
+ Quản trị chi phí

● Tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học trong nước và ở nước ngòai về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp…

● Để khắc phục tình trạnh thiếu nhân lực cho ngành chế biến gỗ, Tập đoàn Trường Thành đã được GTZ tài trợ 54% chi phí thành lập trung tâm đào tạo tại nhà máy TTDL 1 (Công ty cổ phần Trường Thành – Dak Lak) với tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2007, với sự tham gia giảng dạy của 3 giảng viên đến từ Đức (do Bộ Ngoại giao Đức chi trả) và 7 giảng viên đến từ Tập đoàn Chúng tôi. Theo ký kết với chính phủ Nam Phi, Trung tâm và TTF đã đào tạo nghề chế biến gỗ cho hơn 20 học viên đến từ Nam Phi từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2011 (tổng cộng 5 tháng). Đây là một cột mốc quan trọng của TTF nói riêng và Việt Nam nói chung trong việc hợp tác đào tạo quốc tế.

● Đặc biệt, nhằm chuẩn bị một đội ngũ kế thừa mạnh mẽ cho các thế hệ quản lý điều hành, Công ty đã tổ chức đào tạo lớp CÁN BỘ NGUỒN theo chương trình MBA kéo dài 2 năm/khóa, đảm bảo cung cấp trung bình mỗi năm khoảng 45 cán bộ có thể lên đảm nhận vị trí/trọng trách cao hơn

C) Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Ý thức rằng nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, TTF đã rất chú trọng vào các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và văn hóa doanh nghiệp để lưu giữ và trọng dụng nhân tài.

● Chính sách lương:

+ Tuân thủ quy định mức lương tối thiểu của Nhà nước
+ 6 tháng xét tăng lương 1 lần, dựa trên năng lực, sự tiến bộ và thành quả đóng góp của từng cá nhân, ngay cả trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế nặng nề từ năm 2008 đến nay, mặc dù mức tăng và số người tăng có hạn chế hơn so với trước năm 2008

Đào tạo cho các học viên Nam Phi tại TTF

● **Chính sách thưởng:**

+Trước năm 2010: ít nhất 6 tháng xét thưởng 1 lần theo Quy chế khen thưởng của Công ty, được bình bầu công khai hoặc thi tay nghề. Từ năm 2010 đến nay: tạm thời ngưng áp dụng chính sách thưởng 6 tháng, nhưng vẫn đảm bảo có thưởng năm.

+ Áp dụng ESOP (Employee Stock Ownership Plan – Kế hoạch cho người lao động sở hữu Cổ phần) từ năm 2007, tạo cơ hội làm chủ cho toàn thể CBCNV của Công ty. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay, ESOP không còn hấp dẫn người lao động nữa nên TTF đã tạm ngưng áp dụng.

+ Thực hiện việc khen thưởng đột xuất cho các cá nhân/tập thể hoàn thành nhiệm vụ ở mức sáng tạo cao hoặc có sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý…để làm tăng cao hiệu suất trong công việc. Đây là chính sách mà Chúng tôi đã và đang gia tăng áp dụng, đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế

+ Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu quan trọng do BGĐ đề ra.

Hoạt động tranh giải bóng đá của TTF

Niềm vui chiến thắng của CB-CNV trong Hội thao kỷ niệm ngày thành lập TTF

● **Phúc lợi:**

+ Bảo hiểm xã hội và y tế cho CBCNV theo Quy định của Nhà nước

+ Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV

+ Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.

+ Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động

+ Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CB-CNV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đố vui… có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.

+ Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV ít nhất 1 lần/năm

+ Đã đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCNV tại Bình Dương và Dak Lak

+ Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.

d) Văn hóa Công ty:

Nhằm gắn kết hàng ngàn CBCNV lại với nhau, chúng tôi đã xây dựng và phát triển một văn hóa doanh nghiệp đặc trưng giúp mọi người luôn đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau, không phân biệt đối xử và luôn tự hào là thành viên của mái nhà chung "Trường Thành".Một số điển hình của văn hóa Trường Thành là:

● Phát triển văn hóa phản biện trong các cuộc họp, hội thảo và huấn luyện;

● Áp dụng chính sách Open Door đối với mọi cấp trong Công ty, nhưng vẫn trên tinh thần tôn trọng các cấp quản lý trung gian;

● Khuyến khích xây dựng nhóm và tạo điều kiện để nhóm làm việc hiệu quả;

● Thường xuyên thừa nhận, tôn trọng và khen thưởng thành quả, sáng kiến của cấp dưới;

● Cấp trên luôn nhiệt tình đào tạo và hướng dẫn cấp dưới;

● Luôn nói KHÔNG với mọi tiêu cực, luôn phát huy ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP trong công việc

● Slogan của TTF:

+ Sứ mệnh trồng rừng:

Cho Trái Đất Luôn Xanh

+ Sứ mệnh cung cấp sản phẩm đồ gỗ:

Toả Sáng Mọi Không Gian

+ Cờ truyền thống của TTF:

● Lễ phục và Đồng phục của Công ty, đồng phục riêng cho từng phòng ban:

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2012: Không có

3.2. Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con và công ty liên kết:

3.2.1. Các công ty con trực tiếp

3.2.1.1. CTY CP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL1) – Hợp nhất

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	417.106
2	Lợi nhuận sau thuế	-11.558
3	Vốn Chủ sở hữu	25.256
4	Tổng Tài sản	390.575
5	Vay ngắn hạn	142.622
6	Vay dài hạn	35.000

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTDL1

3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL2)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	611.947
2	Lợi nhuận sau thuế	- 8.617
3	Vốn Chủ sở hữu	22.801
4	Tổng Tài sản	331.368
5	Vay ngắn hạn	150.837
6	Vay dài hạn	33.801

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTDL2

3.2.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD2)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	394.847
2	Lợi nhuận sau thuế	6.932
3	Vốn Chủ sở hữu	159.069
4	Tổng Tài sản	440.985
5	Vay ngắn hạn	171.600
6	Vay dài hạn	27.135

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTBD2

3.2.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD3)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	211.832
2	Lợi nhuận sau thuế	642
3	Vốn Chủ sở hữu	45.838
4	Tổng Tài sản	184.431
5	Vay ngắn hạn	15.575
6	Vay dài hạn	17.974

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTBD3

3.2.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTC)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	331
2	Lợi nhuận sau thuế	- 2.977
3	Vốn Chủ sở hữu	48.620
4	Tổng Tài sản	106.073
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	51.300

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTC

3.2.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTP)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 856
3	Vốn Chủ sở hữu	49.901
4	Tổng Tài sản	68.250
5	Vay ngắn hạn	15.283
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTP

3.2.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTI)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	46.364
2	Lợi nhuận sau thuế	2.082
3	Vốn Chủ sở hữu	22.871
4	Tổng Tài sản	61.486
5	Vay ngắn hạn	23.368
6	Vay dài hạn	4.624

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTI

3.2.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH (gọi tắt là TTG)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	1.841
2	Lợi nhuận sau thuế	- 1.765
3	Vốn Chủ sở hữu	40.344
4	Tổng Tài sản	86.238
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTG

3.2.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTTĐ)

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	567
3	Vốn Chủ sở hữu	4.940
4	Tổng Tài sản	5.744
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của TTTĐ

3.2.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 395
3	Vốn Chủ sở hữu	1.002
4	Tổng Tài sản	1.402
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của Trường Thành Đắk Nông

3.2.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	88.520
2	Lợi nhuận sau thuế	55
3	Vốn Chủ sở hữu	15.879
4	Tổng Tài sản	40.096
5	Vay ngắn hạn	14.684
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của XNK Trường Thành Đắk Nông

3.2.1.12. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 78
3	Vốn Chủ sở hữu	5.302
4	Tổng Tài sản	6.534
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của Trường Thành M'Drak

3.2.2. Các công ty con gián tiếp

3.2.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	1.272
2	Lợi nhuận sau thuế	- 2.281
3	Vốn Chủ sở hữu	733
4	Tổng Tài sản	8.499
5	Vay ngắn hạn	5.044
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của Trường An

3.2.2.2. CTY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH – PHƯỚC AN

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	563
2	Lợi nhuận sau thuế	- 4.888
3	Vốn Chủ sở hữu	413
4	Tổng Tài sản	14.733
5	Vay ngắn hạn	9.920
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của Trường Thành Phước An

3.2.3. Các công ty liên kết, liên doanh

3.2.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	10.542
2	Lợi nhuận sau thuế	- 521
3	Vốn Chủ sở hữu	2.259
4	Tổng Tài sản	6.765
5	Vay ngắn hạn	696
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của Bao bì Trường Thành

3.2.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

Stt	Diễn giải	Thành tiền (triệu VND)
1	Doanh thu	0
2	Lợi nhuận sau thuế	- 1.943
3	Vốn Chủ sở hữu	164.470
4	Tổng Tài sản	185.242
5	Vay ngắn hạn	0
6	Vay dài hạn	0

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 của Trường Thành-OJI

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.339	3.298	- 1,22%
Doanh thu thuần	2.999	2.620	- 12,64%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.797	- 3.299	- 120,88%
Lợi nhuận khác	1.580	3.821	+ 141,84%
Lợi nhuận trước thuế	16.995	- 697	- 104,10%
Lợi nhuận sau thuế	11.035	- 2.902	- 126,30%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	9.292	2.496	- 126,86%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2011-2012 của TTF

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,06	1,10
Hệ số thanh toán nhanh	0,37	0,25
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,76	0,76
Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu	3,70	3,64
Vòng quay hang tồn kho	1,75	1,26
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,90	0,79
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,37%	- 0,11%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn Chủ sở hữu	1,60%	- 0,42%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	0,33%	- 0,08%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,53%	- 0,13%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2011-2012 của TTF

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU TRONG NĂM 2012

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: **39.373.606 cp**
- Cổ phiếu quỹ: **464 cp**
- Số cổ phần lưu hành chốt 31/12/2012: **39.373.141 cp**
- Không có cổ phần ưu đãi, không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng

5.2. Cơ cấu cổ đông

5.2.1. Theo tiêu chí cổ đông lớn – nhỏ:

Diễn giải	Chốt ngày 14/1/2013		
	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông lớn	4	19.104.043	48,52%
Cổ đông nhỏ	2595	20.269.099	51,48%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 14/01/2013 được cung cấp bởi trung Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

5.2.2. Theo tiêu chí cổ đông tổ chức – cá nhân:

Diễn giải	Chốt ngày 14/1/2013		
	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông tổ chức	64	12.045.761	30,59%
Cổ đông cá nhân	2.535	27.327.381	69,41%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 14/01/2013 được cung cấp bởi trung Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

5.2.3. Theo tiêu chí cổ đông trong nước – ngoài nước:

Diễn giải	Chốt ngày 14/1/2013		
	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông trong nước	2.544	38.156.874	96,91%
Cổ đông ngoài nước	55	1.216.268	3,09%

Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 14/01/2013 được cung cấp bởi trung Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Tăng	Giảm	Số cuối năm 2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	81.237.670.000		393.736.060.000
Thặng dư vốn cổ phần		65.617.530.000	272.647.525.014
Vốn khác của chủ sở hữu	464.616.306		3.677.165.140
Cổ phiếu quỹ			(420.631.294)
Quỹ đầu tư phát triển			6.152.120.739
Quỹ dự phòng tài chính			3.767.885.040
Quỹ khác thuộc CSH			8.963.110
Lợi nhuận chưa phân phối			8.110.628.585
Cộng	2.496.371.060	17.894.643.805	687.679.716.333

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012 của TTF

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng do phát hành 1.562.014 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 và do phát hành 6.561.753 cổ phiếu từ nguồn thặng dư theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2012

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
5.5. Các chứng khoán khác: Không

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan

● **Nhân sự:** Việc thiếu tiền để thanh toán lương – thưởng đúng hạn cho CBCNV trong năm 2012, là tiền đề dẫn đến sự biến động nhân sự của Công ty. Cụ thể lực lượng Công nhân giảm khá cao - khoảng 45% và Công ty cũng mất đi khoảng 35% cán bộ - nhân viên, trong đó có một số người thực sự có năng lực

● **Sản xuất:** Do TTF đang trong tình trạng thiếu hụt ngân lưu trầm trọng, đặc biệt trong Quý 4/2012, nên chỉ có thể hoàn tất khoảng 40% những đơn hàng đã nhận trong Quý này, dẫn đến doanh số năm 2012 sụt giảm gần 13%. Có đến khoảng 50% đơn hàng phải hoãn thời gian giao hàng từ 1 đến 3 tháng

● **Kế hoạch sản phẩm tại nội địa:** Đối với các sản phẩm mới cần tung ra thị trường nội địa theo Kế hoạch Kinh doanh năm 2012 như Giường Hết Chỗ Chê, Bộ Bàn Ăn Siêu bền Siêu nhẹ, Cửa Miễn Góp ý… cũng đã hoãn lại đến Quý 2 – Quý 3/ 2013 do chưa có đủ ngân sách thực hiện quảng bá và sản xuất đại trà trong năm 2012, mặc dù đây là những sản phẩm mà TTF dày công nghiên cứu phát triển, ứng dụng các kết quả của phòng thí nghiệm phối hợp với bộ phận R&D; đồng thời dòng sản phẩm mới này rất phù hợp với nhiều phân khúc thị trường, kể cả bối cảnh nền kinh tế đang rất xấu như hiện nay

● **Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu theo từng khu vực:** chỉ thay đổi nhẹ, trong năm 2012, Mỹ chiếm 41%, EU 33%, Nhật bản 7%, Hàn quốc 6%... , bắt đầu xuất sang Nga (gần 2%).

● **Dòng sản phẩm:** xuất khẩu hàng ngoài trời tăng khá mạnh (do xuất cho IKEA), chiếm gần bằng hàng trong nhà. Tuy nhiên, đối với thị trường trong nước, nội thất và ván sàn vẫn chiếm ưu thế

● **Hệ thống phân phối tại Việt Nam:** Đã thiết lập được 33 điểm bán hàng Trường Thành trên toàn quốc (tăng 6.5% về số lượng so với 2011) tại TP.HCM, Tây Ninh, Bình Dương, Đà Lạt, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng, Huế, Hà Nội...Vẫn duy trì tốt hợp tác liên kết phân phối với Mê Linh Plaza (thuộc Euro Window), Điện máy Thiên Hòa, Đệ nhất Phan Khang...

Thiết kế mới của TTF: Bộ salon Duyên dáng, dự kiến sẽ ra thị trường tong quý II năm 2013

● **Nguyên liệu:** Đối với xuất khẩu, do việc tăng hàng ngoài trời bằng gỗ tràm và keo cho IKEA, tỷ lệ 2 loại này đã tăng vọt, vượt qua gỗ cao su để dẫn đầu theo doanh thu xuất khẩu, chiếm đến 60%. Cao su chỉ còn khoảng 10%. Điều này cho thấy thị trường xuất khẩu vẫn còn trong giai đoạn chuộng sản phẩm giá rẻ. Tại nội địa thì nguyên liệu gỗ đỏ, hương, căm xe, mahogany và cherry rất được ưa chuộng trong các công trình trang trí nội thất cao cấp. Những yếu tố nói trên khiến TTF vẫn phải duy trì tồn kho ở mức cao, vì đây là những nguyên liệu cần được chuẩn bị mà trước đây chúng tôi không có tồn kho nhiều

Gỗ Cao su ngâm tẩm trong chân không với hóa chất không độc tố để chống mối mọt

● **Khả năng sinh lời:** kết quả hợp nhất là bị lỗ gần 3 tỷ. Đây là một kết quả thấp nhất trong 5 năm qua (kể từ lần đầu tiên hợp nhất năm 2008). Bên cạnh đó, so với năm trước, tất cả đều giảm khá mạnh, dù cho năm trước cũng có kết quả chưa tốt lắm. Dự kiến năm 2013 sẽ tương tự hoặc xấu hơn năm 2012 nếu không bổ sung đủ nguồn vốn lưu động cho Công ty

● **Khả năng thanh toán:** khả năng thanh toán ngắn hạn cao hơn năm trước do đã giảm vay ngắn hạn gần 154 tỷ đồng. Tuy vậy, do chưa thể giải chấp nhiều gỗ tồn kho ra để tiêu thụ nên tồn kho còn tăng, dẫn đến khả năng thanh toán nhanh giảm

● **Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:**

Chọn hai công ty đồng ngành trên sàn HOSE để phân tích so sánh với TTF thì kết quả như sau:

Diễn giải	TTF	Trung bình của 2 công ty
Doanh thu thuần	2.620 tỷ đồng	541 tỷ đồng
Giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần	**87,23%**	**90,79%**
Lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	12,77%	9,21%
Chi phí tài chính trên doanh thu thuần	**9,19%**	**0,54%**
Chi phí bán hàng trên doanh thu thuần	0,70%	1,79%
Chi phí quản lý trên doanh thu thuần	3,40%	5,11%
Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên doanh thu thuần	**- 0,11%**	**1,82%**

Nguồn: *Số liệu lấy từ báo cáo tài chính HỢP NHẤT của TTF đã kiểm toán năm 2012, và báo cáo tài chính đã kiểm toán của hai công ty đồng ngành năm 2012 được đăng tải trên website của chính hai công ty đó*

Theo bảng trên, chúng ta nhận diện được rằng, so với trung bình của ngành thì:

● Tỷ lệ lợi nhuận gộp của TTF là 12.77%, mặc dù vẫn còn thấp, nhưng vẫn đã cao hơn trung bình của 2 công ty kia, và cao hơn năm 2011. Nhưng ngược lại thì TTF hợp nhất lại bị lỗ (-0,11% trên doanh thu thuần)

● Nguyên nhân chính theo bảng phân tích trên cho ta thấy đó là chi phí tài chính vẫn còn quá cao (9.19%) xuất phát chủ yếu do:

+ Tồn kho chậm luân chuyển chưa được thanh lý nhiều

+ Đầu tư tài chính dài hạn chưa có kết quả tốt do các công ty con còn thua lỗ nhiều trong bối cảnh thiếu vốn hoạt động, và các công ty trồng rừng chưa có nguồn thu đáng kể

+ Không tăng vốn tự có trong năm do không kịp hoàn thành chương trình phát hành cho cổ đông hiện hữu

Các yếu tố nói trên đã làm giảm tỷ suất lợi nhuận ròng của TTF trên doanh thu, so với các bạn đồng ngành trong vài năm gần đây, đặc biệt năm 2012 đã tạo ra kết quả lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

1.2. Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với việc thực hiện không thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012:

Mặc dù Công ty mẹ sau khi trừ đi Lợi ích của Cổ đông thiểu số sau hợp nhất là chưa bị thua lỗ, nhưng trong nhiều năm qua, khi kinh tế khủng hoảng, thì lợi nhuận đã giảm dần và đến năm 2012 thì còn không đáng kể. Một trong những nguyên nhân chính là do tình trạng tồn kho nguyên liệu khá lớn. Không phải Ban Điều hành cố ý dự trữ mà vì sự chuyển dịch của thị trường đồ gỗ thế giới trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ hàng xa xỉ đắt đỏ như gỗ Teak chuyển sang mua các dòng hàng rẻ hơn như như gỗ Acacia hoặc nguyên liệu có giá tương đương. Để giúp cho Tập đoàn vẫn đủ đơn hàng làm trong nhiều năm qua khi thị trường thế giới và Việt Nam đều suy thoái, Ban Điều hành đã chủ động thay đổi cơ cấu sản phẩm, từ tỉ lệ hàng ngoài trời khá cao trước đây thì nay đã sản xuất hàng trong nhà với tỉ lệ khá lớn. Chính vì thế, mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh là không có lợi nhuận nhiều như kế hoạch đã đề ra, HĐQT và Ban Điều hành cũng chỉ họp rút kinh nghiệm và liên tục tìm các giải pháp cải tiến (chẳng hạn đã bán bớt tồn kho gỗ Teak khoảng 50 tỷ đồng) chứ không thể quy trách nhiệm riêng cho Ban Điều hành.

Các giải pháp cải tiến cho năm 2013 để thay đổi cục diện này:

- Tiếp tục bán bớt tồn kho gỗ Teak ít nhất 100 tỷ đồng để có tiền mua nguyên liệu cho hàng công trình cũng có chất lượng cao và vốn lưu động lớn
- Công ty chủ động giữ lại các CBNV có năng lực phù hợp, và tiếp tục tinh giản khoảng 35% nhân sự gián tiếp có hiệu quả làm việc thấp
- Xây dựng chính sách tồn kho nguyên vật liệu cho từng tháng. Không tiếp tục dự trữ cao, kể cả các loại gỗ đang có nhu cầu sản xuất ổn định.
- Áp dụng nguyên tắc Just In Time trong tồn kho
- Các Phó TGĐ định kỳ sẽ báo cáo lên HĐQT về dự đoán kết quả kinh doanh và dự đoán ngân lưu cho từng quý

1.3. Những tiến bộ Công ty đạt được

a) Duy trì và phát triển chương trình đầu tư khép kín công nghệ như:

- Gỗ tròn thu hoạch từ rừng trồng tới đây sẽ được phân loại: phù hợp cho cưa xẻ hay bóc (rotary veneer) hay lạng (slice veneer) để tăng giá trị sau quá trình chế biến để xuất khẩu, và bán cho nhà sản xuất đồng ngành (hiện chủ yếu là công ty Đài Loan) các loại bán thành phẩm như: ván lạng, ván ép các loại - đặc biệt là ván ép dùng ngoài trời
- Các phế phẩm và chất thải loại như mạc cưa, dăm bào, ván bóc vụn... được hệ thống hút bụi thu gom, sau đó lọc khí sạch thải ra môi trường. Tất cả chất rắn phế phẩm này được hệ thống băng tải vận chuyển qua nhà máy sản xuất ván nhân tạo PB, để sản xuất ra ván nhân tạo chống nước và đạt chuẩn E0 là chuẩn cao nhất thế giới hiện nay

b) Duy trì và phát triển chương trình đầu tư cho Phòng thí nghiệm, phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển. Phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện việc kiểm soát từ các loại hóa chất, độc tố trong sản phẩm đến khả năng kiểm soát về cơ lý, độ bền vật liệu của gỗ, ván nhân tạo và sản phẩm. Qua đầu tư này, Công ty đã có khả năng nghiên cứu và phát triển tốt hơn và sẽ tạo ra nhiều sản phẩm tốt trong tương lai, thu hồi được vốn đầu tư nhanh chóng. Các dòng sản phẩm được tung ra thị trường VN và quốc tế trong năm 2011 – 2012 đã làm tăng đáng kể doanh số; và giúp TTF trúng thầu nhiều hơn trong việc thi công trang trí nội thất cho các công trình lớn tại Việt Nam

Phòng thí nghiệm của TTF

c) Các giải thưởng trong năm:

Với hơn 36 giải thưởng cao quý trong 11 năm qua, năm 2012 TTF đã tiếp tục đạt được các thành tích sau:

+ Doanh nghiệp niêm yết đạt danh hiệu Top 10 Báo cáo Thường niên tốt nhất năm 2012 do Sở GDCK TP.HCM trao vào tháng 4/2012.

+ Bằng khen đã nhiều năm có Báo cáo thường niên được trao giải tại các cuộc bình chọn BCTN trong 5 năm qua do Chủ tịch UBCKNN ký duyệt vào tháng 4/2012.

+ Chủ tịch Võ Trường Thành là Doanh nhân được bình chọn vào "Top 100 Phong Cách Doanh Nhân 2012 - Mark of respect – Giá trị của sự trân trọng" do Câu lạc bộ Phong cách Doanh nhân và VCCI Việt Nam trao vào tháng 1/2013.

+ Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2012 do Người tiêu dùng bình chọn.

HÀNG VIỆT NAM
2012
CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

● Giảm mạnh "Phải thu khách hàng" so với năm 2011 (giảm khoảng 272 tỷ đồng, tương đương 38%) do Công ty đang thiếu hụt ngân lưu nên đã theo sát công nợ và đàm phán với khách thay đổi phương thức thanh toán nhanh hơn. Ngược lại, các nhà cung cấp thiếu tiền nên cũng yêu cầu ứng trước nhiều hơn.Vì vậy "Trả trước cho người bán" cũng đã tăng gần 56% (tương đương khoảng 19 tỷ đồng)

● Tiếp tục tăng Tồn kho khoảng 17% (tương đương 289 tỷ) chủ yếu do:

+ Khoảng 50 tỷ tiền mua nguyên liệu mới để làm hàng công trình như căm xe, gõ đỏ, hương, mahogany… và hàng xuất khẩu như cao su, tràm, keo…

+ Khoảng 236 tỷ tiền hàng trên chuyền do Quý 4 thiếu hụt tiền nặng nề để trả cho các nhà cung cấp nên Công ty không thể hoàn tất đơn hàng xuất cho khách. Đó là lý do tại sao doanh số Quý 4 sụt giảm hơn 50% so với cùng kỳ năm trước

● Không có biến động (tăng/giảm) đối với tài sản dàn hạn đáng kể. Tuy nhiên, đối với các khoản đầu tư dài hạn vẫn chưa mang lại dòng tiền và lợi nhuận cho công ty:

+ Các khoản đầu tư vào trồng rừng: cây trồng chưa đến tuổi khai thác, chỉ khai thác 1 phần nhỏ trong năm 2013 và bắt đầu khai thác chủ lực từ 2014, thu về trung bình khoảng 100 tỷ đồng/năm và lợi nhuận trung bình khoảng 65 tỷ/năm (từ năm 2014 đến 2019)

+ Đầu tư vào Quỹ y tế Bản Việt (30 tỷ): Sẽ thoái vốn 50% vào tháng 01/2014 và 50% còn lại tiếp tục đầu tư trong 2 năm và thoái vốn còn lại vào 01/2016.

+ Đầu tư vào dự án BĐS: Hiện thị trường đầu ra vẫn còn xấu nên công ty chưa triển khai. Đang tìm đối tác chuyển nhượng….

+ Đối với việc đầu tư máy mọc thiết bị và nhà xưởng: Năm 2012 không đầu tư thêm máy móc thiết bị và nhà xưởng. Tuy nhiên có đầu tư mua đất và xây thêm kho chứa hàng (trị giá 78 tỷ đồng). Hiện đang trong tình trạng xây dựng dở dang do thiếu tài chính.

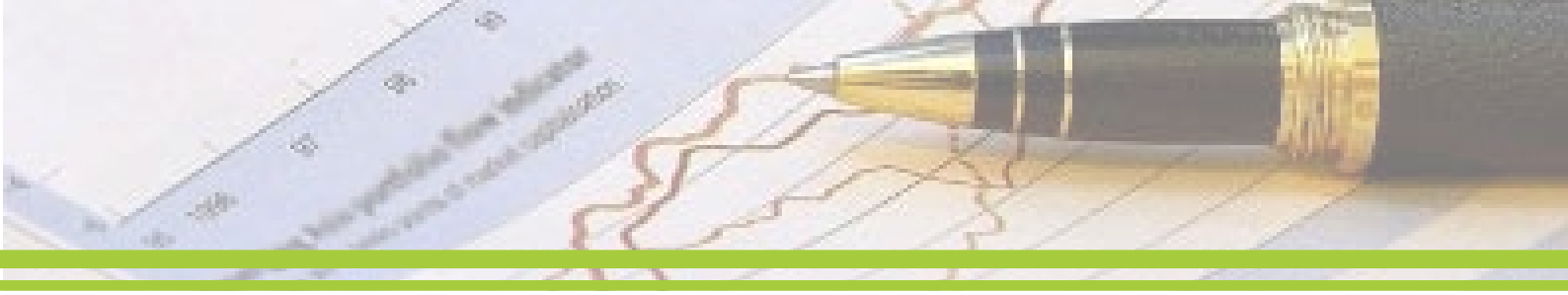

2.2. Tình hình nợ phải trả:

● Nợ vay ngắn hạn: trong năm 2012 các ngân hàng đã cắt giảm dư nợ ngắn hạn khoảng 154 tỷ đồng trên toàn Tập đoàn (riêng Công ty mẹ thì giảm khoảng 164 tỷ đồng). Việc cắt giảm này nằm ngoài lộ trình và kế hoạch của Công ty, khiến TTF bị động về ngân quỹ trong một thời gian dài và ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện tại các cam kết tín dụng thông qua hợp đồng đã được hầu hết các ngân hàng ký kết. Tuy nhiên, công ty còn phải chuẩn bị nguồn vốn 50 tỷ đồng để trả nợ một số ngân hàng mà không thể tái tục hạn mức được trong năm 2013.

● Giảm "Phải trả cho người bán" hơn 100 tỷ đồng, tương đương 25% so với năm 2011, do hầu hết các nhà cung cấp cũng khó khăn về tài chính nên không đồng ý cho Công ty trả chậm hơn thỏa thuận như trước đây

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

● Bổ sung thêm 2 Phó Tổng Giám, giảm áp lực trên các Phó Tổng Giám đốc trước đây và TGĐ khi quản lý quá nhiều phòng ban chức năng

● Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực nhằm hỗ trợ TGĐ và các Phó Tổng Giám đốc quản lý điều hành hầu hết các khối phòng ban kịp thời khi TGĐ/ Phó TGĐ đi công tác

● Thực hiện việc lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch thu – chi thường xuyên bởi một nhóm cán bộ của nhiều phòng ban có liên quan, nhằm hiệu quả hóa việc phân phối tài chính tại một số thời điểm mà thu vào ít hơn chi ra.

● Đối với thưởng thâm niên dành cho CBNV: thay thế chính sách thưởng bằng tiền mặt bằng sản phẩm của TTF, nhằm giảm tồn kho của Công ty nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của CBNV

● Bán giảm giá đặc biệt sản phẩm của TTF cho CBNV nếu CBNV dùng lương của mình để thanh toán, nhằm giảm áp lực khoản "Phải trả" là lương, đồng thời giảm tồn kho, và tạo cơ hội kinh doanh cho CBNV

● Tinh giảm khoảng 30% nhân sự trong năm 2012 trên toàn Tập đoàn, góp phần làm giảm chi phí quản lý và tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu

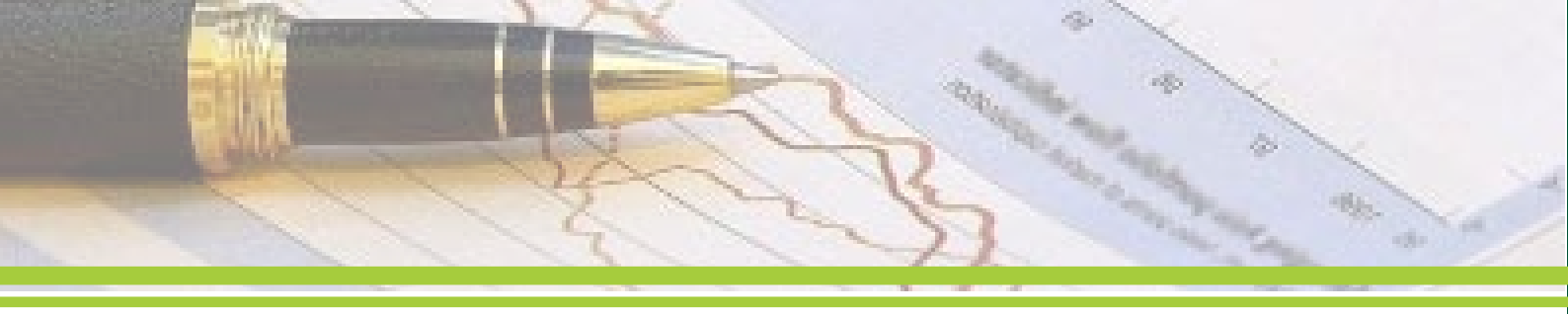

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch phát triển Ban điều hành

Do một Phó Tổng Giám đốc sẽ nghỉ việc trong năm nay, dự kiến Công ty sẽ đề bạt một Giám đốc Khối để lên thay thế, bên cạnh đó tuyển dụng từ bên ngoài vào thêm một Giám đốc Kinh doanh cho thị trường nội địa và khối trang trí nội thất các công trình vốn đang phát triển. Đồng thời, Công ty cũng có kế hoạch tuyển dụng một Phó Tổng Giám đốc thường trực nhằm phát triển để trở thành Tổng Giám đốc trong tương lai gần.

4.2 Kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Hạng mục	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu	2,200	2,640	3,168	3,485	3,833	4,217	4,638
Giá vốn hàng bán	1,925	2,270	2,693	2,927	3,182	3,458	3,803
Lợi nhuận thô	275	370	475	558	652	759	835
Doanh thu tài chính	50	40	60	70	70	70	90
Chi phí tài chính	180	160	190	209	230	253	278
Chi phí bán hàng	20	25	32	38	45	55	68
Chi phí quản lý	85	96	112	129	145	160	180
Lợi nhuận trước thuế	40	129	201	251	302	361	399
Thuế thu nhập DN	9	13	20	26	32	38	40
Lợi nhuận sau thuế	31	116	181	225	270	323	359

- Không tăng trưởng nóng trong nhiều năm tiếp theo (chỉ từ 10-20%), cho đến khi Kế hoạch kinh doanh trung dài hạn này được xem xét và thay đổi
- Không tăng thêm vốn chủ sở hữu sau năm 2013
- Chỉ tăng vay từ 5-10% mỗi năm để có đủ vốn thực hiện doanh số tăng trưởng theo kế hoạch
- Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thực tế có thể giảm mạnh hơn từ năm 2015 so với Kế hoạch kinh doanh này, vì kế hoạch này được xây dựng với sự cẩn trọng cao; do đó năm 2013 là 87.5%, sau đó là 86%, 85%, 84%, 83% và cuối cùng là 82%

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN 4
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá về các hoạt động của Công ty

● Kết quả kinh doanh hợp nhất là lỗ, chủ yếu do lỗ từ các công ty trồng rừng và 2 công ty chế biến gỗ tại Dak Lak. Điều này thể hiện điểm yếu trong quản trị các công ty con, ngoài việc cung cấp thiếu vốn lưu động và chưa chỉ đạo nhất quán cách hạch toán chi phí của công ty trồng rừng vào giá vốn.

● Giá vốn hàng bán trên 87% là vẫn còn khá cao so với mức phổ biến của TTF trước khủng hoảng là 82%. Mặc dù Công ty đã có nhiều cải tiến về năng suất, nhưng việc bán/tiêu thụ nguyên liệu tồn kho với giá lỗ đã làm giá vốn không thể giảm mạnh trong bối cảnh còn nhiều tồn kho nguyên liệu chậm luân chuyển

● Việc giảm "Vay ngắn hạn" cũng như khoản "Phải trả người bán" không tương ứng với việc tăng "Vay dài hạn" và khoản "Người mua trả tiền trước", trong khi đơn hàng nhận vào thì không giảm lại, đã dẫn đến việc thiếu hụt vốn lưu động quá nặng, không đáp ứng được tiến độ sản xuất và giao hàng cho khách quá 50% trong Quý 4. Điều này không những làm giảm doanh thu, lợi nhuận của Công ty mà còn làm cho một số khách hàng sẽ từ bỏ TTF trong năm 2013. Tuy nhiên, may mắn là Tập đoàn đã có dự trữ một ngân hàng khách hàng trong nhiều năm qua nên khả năng thay thế là cao, tuy có chậm trễ trong 2 quý đầu năm.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã thường xuyên họp để đánh giá các tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh và đặc biệt là đề xuất các giải pháp giải quyến vấn đề ngân lưu đã được báo động từ đầu năm cho HĐQT; thậm chí cùng phòng Tài chính rà soát thông tin về ngân lưu nhằm đánh giá chắc chắn mức độ thiếu hụt. Ban Điều hành đã thấy rõ vấn đề khó khăn khi Vietcombank hội sở cử nhiều cán bộ giỏi đến TTF vào tháng 4 và tổng hợp số liệu để tư vấn cho doanh nghiệp cũng như đánh giá mức độ rủi ro của các hợp đồng vay. Tuy nhiên, các giải pháp đưa ra, ngay cả từ HĐQT, cũng không có nhiều, và phần lớn là giải pháp rất khó thực hiện trong bối cảnh các ngân hàng đang củng cố và giải bài toán nợ xấu. Ngân hàng Nhà nước cũng đã có Quyết định quan trọng là 780/QĐ-NHNN vào ngày 23/4/2012 nhưng đi vào thực hiện cũng chỉ từ tháng 6/2012, lúc mà Công ty đã suy yếu và sản xuất kinh doanh đã trở nên trì trệ

Cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc của TTF

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Khôi phục lại hoạt động mạnh mẽ của các tiểu ban trong HĐQT
- Thực hiện tái cơ cấu tài chính nhằm đủ ngân lưu thực hiện Kế hoạch Kinh doanh, với chương trình gồm 3 bước, kết thúc trong Quý 4/2013
- Thực hiện tái cấu trúc cơ cấu cổ đông, trong đó nhà đầu tư chiến lược sẽ tham gia vào quản trị, điều hành sát sườn hơn để giải quyết các khó khăn trong năm 2013 mà HĐQT tiên liệu vẫn còn nhiều
- Rà soát việc sáp nhập các công ty con để tăng cường quản lý
- Đưa các cán bộ của Công ty mẹ tăng cường thêm cho HĐQT các công ty con, nhằm kiểm soát hoạt động và thúc đẩy sản xuất kinh doanh tại các công ty con tốt hơn

Sản phẩm của TTF

4

3

5

2

1

6

9

7

8

Hội đồng Quản trị của TTF

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị
1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 8/4/2013)	Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác	Ghi chú
1	Võ Trường Thành	Chủ tịch	12,49%	7 đối với công ty con và liên kết, 1 đối với công ty ngoài	
2	Diệp Thị Thu	Thành viên không điều hành	6,61%	3 đối với công ty con và liên kết	
3	Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên	0,69%	3 đối với công ty con và liên kết, 1 đối với công ty ngoài	
4	Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên	0,43%	7 đối với công ty con và liên kết	
5	Tạ Văn Nam	Thành viên	0,32%	3 đối với công ty con và liên kết	
6	Đinh Văn Hóa	Thành viên	0,06%	1 đối với công ty con và liên kết	
7	Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên độc lập	10,18%	4 đối với công ty ngoài	Đại diện sở hữu cho Quỹ Đầu tư Việt Nam
8	Lã Giang Trung	Thành viên độc lập	0%	Không	Đề cử bởi Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt
9	Phạm Thị Huyền	Thành viên độc lập	0%	Không	

Nguồn: Theo danh sách cổ đông TTF chốt ngày 8/4/2013 cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký chứng khoán

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Stt	Tên tiểu ban – Nhiệm vụ	Thành viên
1	Tiểu ban phụ trách **Vốn, kế toán, tài chính** toàn Tập đoàn	Ông Võ Diệp Văn Tuấn, Bà Diệp Thị Thu, Ông Nguyễn Nhân Nghĩa và Ông Lã Giang Trung
2	Tiểu ban phụ trách **Cổ đông, công bố thông tin và tổ chức sự kiện**	Bà Ngô Thị Hồng Thu
3	Tiểu ban phụ trách **Quản trị, Pháp lý** đối với những công ty con mảng Chế biến gỗ	Ông Tạ Văn Nam và Ông Đinh Văn Hóa (trước đó là Ông Nguyễn Đình Nghĩa)
4	Tiểu ban phụ trách **Quản trị, Pháp lý** đối với Công ty mẹ, các công ty con mảng trồng rừng, và các công ty con khác (ngoại trừ chế biến gỗ)	Ông Võ Trường Thành

Nguồn: HĐQT của TTF

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1.3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012, HĐQT có họp tập trung 17 lần và qua Video Conference 8 lần để thảo luận và biểu quyết các vấn đề về:

- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2011 và kế hoạch cho năm 2012
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh các quý năm 2012 và các giải pháp tiếp theo để đạt mục tiêu đã đăng ký
- Các vấn đề về vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh
- Ủy quyền ký duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty CP TM-XNK Trường Thành Đăk Nông
- Vấn đề về sáp nhập một số công ty trong Tập đoàn
- Phương án Phát hành trái phiếu cho đối tác chiến lược
- Các nội dung cần đệ trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2012
- Việc phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn chủ sở hữu nhằm cải thiện ngân lưu cho Công ty
- Thông qua tiếp tục chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho Công ty năm 2012 là Công ty Kiểm toán DFK
- Thông qua các nội dung sẽ đệ trình lên ĐHĐCĐ bất thường năm 2012

● Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý quan trọng của Công ty
● Thông qua việc chọn nhà đầu tư chiến lược để đề xuất ĐHĐCĐ thông qua
● Thống nhất việc ủy quyền cho Ông Đinh Văn Hóa đại diện Công ty thực hiện việc ký kết các hợp đồng thế chấp/cầm cố, giải chấp và các văn bản liên quan đến hàng hóa
● Thông qua việc tổ chức các đại hội cổ đông trong năm

1.3.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Hiện tại, trong HĐQT có đến 5 thành viên tham gia điều hành công ty ở vị trí là TGĐ và PTGĐ. Vì vậy, hầu như toàn bộ hoạt động của Ban Điều hành đều được giám sát và báo cáo thường xuyên cho HĐQT. Mỗi tuần, Ban Điều hành đều có họp với nhau ít nhất là 2 lần: Thứ ba và Thứ năm, để giải quyết các vấn đề khó khăn phát sinh trong Công ty, về tiến độ giao hàng và chất lượng trong sản xuất, đặc biệt là về các giải pháp để cải thiện ngân lưu mà HĐQT đã thông qua trong các cuộc họp. Ngoài ra, Ban Điều hành còn dùng hệ thống Video Conference để họp với các thành viên HĐQT cũng như Ban Điều hành của các công ty con đang ở xa, chẳng hạn ở Dak Lak và Phú Yên

1.3.3. Nghị quyết đã được HĐQT thông qua trong năm 2012

Có 24 Nghị quyết đã được thông qua. Chi tiết đã được công bố thường xuyên trên trang web của TTF, của HOSE, cũng như trong Báo cáo Quản trị năm 2012 ra ngày 28/1/2013

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

HĐQT có 3 thành viên độc lập không điều hành là Ông Nguyễn Nhân Nghĩa, Ông Lã Giang Trung và Bà Phạm Thị Huyền. Cả 3 thành viên này đều sống và làm việc tại Hà Nội nên rất thuận tiện trong việc họp mặt và bàn bạc thường xuyên các vấn đề trong Công ty. Trong năm 2012, phần lớn các thành viên HĐQT độc lập này tập trung rà soát tình hình tài chính của TTF, đưa ra những đề xuất về vốn vay – tái cơ cấu tài chính – quan hệ ngân hàng. Ngoài ra, các thành viên này cũng đã được HĐQT ủy quyền đại diện cho TTF đàm phán với đối tác Hàn Quốc về việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, tuy nhiên chương trình này không thực hiện được do hai bên không thống nhất với nhau một số điều kiện liên quan của chương trình

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Các tiểu ban có họp và bàn luận nhiều lần trong năm, nhưng phần lớn bị bế tắc về mảng tài chính. Một số công tác như phát hành tăng vốn thì thực hiện được nhưng bị chậm trễ về thời gian. Một số công tác như duy trì/ tăng hạn mức vay với ngân hàng, chuyển vay ngắn hạn sang vay dài hạn… thì chỉ giao định hướng mà Ban Điều hành lại không đủ sức thực hiện. Ngoài ra, Tiểu ban phụ trách Quản trị và Pháp lý các công ty con mảng chế biến gỗ đã quá bận rộn trong công tác điều hành quản trị sản xuất nên chưa thực hiện việc yêu cầu một số cổ đông Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành góp vốn theo kế hoạch ban đầu nên hiện vẫn do TTF đầu tư 100%.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong thời gian qua, do bận rộn để giải quyết các vấn đề cấp bách trong Công ty, HĐQT của Công ty đã chưa tham gia và có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty dành cho các cán bộ quản lý công ty cổ phần đại chúng. Tuy nhiên, tất cả các thành viên HĐQT đều tìm đọc và áp dụng *các nguyên tắc về cơ cấu tổ chức của công ty đại chúng, các nguyên tắc về nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT cũng như của Ban Điều hành, các nguyên tắc về quyền của cổ đông và thực hiện Đại hội Cổ đông, các nguyên tắc về minh bạch và công bố thông tin … mà Luật chứng khoán quy định cũng như các Thông tư – Nghị định liên quan đã ban hành*

2.2. Hoạt động, của Ban kiểm soát:

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động đặc biệt là đối với công tác tài chính, trong năm BKS đã họp định kỳ 6 tháng một lần và thường xuyên trao đổi thông tin qua email, điện thoại để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012….

- Cử đại diện tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị, giám sát việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

2. Ban Kiểm soát (BKS)

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Nguồn: Ban Kiểm soát của TTF

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 8/4/2013)
1	Nguyễn Minh Thanh	Trưởng ban	0%
2	Trần Lâm Thúy Quyên	Ủy viên	0%
3	Hoàng Anh Tú	Ủy viên	0%

1

2

3

- Kiểm soát tài chính:

● Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ và đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cũng như cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Tìm hiểu các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét và kiểm toán BCTC.
● Hỗ trợ bộ phận TCKT & Kiểm toán nội bộ xây dựng hệ thống bảng biểu dự báo và kiểm soát dòng tiền.

Ngoài ra BKS cũng thường xuyên theo dõi các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

2.3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Về tình hình hoạt động của Công ty: Trong năm 2012, HĐQT và Ban Điều hành đã nỗ lực triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế, cụ thể là có 2 nghị quyết chưa được thực hiện đúng theo kế hoạch đã thông qua như sau:

Nghị quyết ĐHĐCĐ 2012	Thực hiện	Đánh giá
Điều 3: Kế hoạch kinh doanh năm 2012. ● Doanh số hợp nhất trên 3,000 tỷ đồng. ● Lợi nhuận ròng hợp nhất từ 40 đến 59 tỷ đồng; ● EPS đạt từ 1,282 đ/CP trở lên.	● Doanh số hợp nhất đạt 2,620 tỷ đồng, chỉ đạt 87% so với kế hoạch. ● Lỗ sau thuế hợp nhất là -2.9 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ là 2.49 tỷ đồng. ● EPS đạt 74 đ/CP.	● Không hoàn thành kế hoạch của ĐHĐCĐ về các chỉ tiêu kinh doanh do khó khăn về ngân lưu.
Điều 9: Sáp nhập 03 Công ty tại Bình Dương: TTBD1, TTBD2, TTBD3.	● Đã tiến hành xin ý kiến ĐHĐCĐ về tỷ lệ sáp nhập trong cuộc họp ĐHCĐ bất thường ngày 11/8/2012. Tỷ lệ được ĐHĐCĐ thông qua là 1:1.	Công ty chưa triển khai thực hiện do tập trung trước cho đợt phát hành CP cho cổ đông hiện hữu

- Về kiểm soát tài chính:

Công tác kế toán, kiểm toán nội bộ:

● Sổ sách kế toán được lập và lưu trữ đúng theo quy định về kế toán. Các số liệu kế toán được hạch toán đầy đủ, rõ ràng, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

● Trong năm, bộ phận Kiểm toán nội bộ hoạt động tích cực, góp phần hỗ trợ cho Ban điều hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty. Tuy vậy, hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ vẫn chưa tách bạch hoàn toàn khỏi công tác tài chính kế toán; do đó chưa phát huy hết được tính độc lập, cũng như vai trò kiểm tra, giám sát của bộ phận Kiểm toán nội bộ.

Về báo cáo tài chính kiểm toán:

● Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hợp nhất báo cáo tài chính của 14 công ty con.

● Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập DFK: Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Về tình hình tài chính:

● Tình trạng tích trữ tồn kho: Số dư tồn kho tại ngày 31/12/2012 của toàn Tập đoàn là 1,955 tỷ đồng – tăng hơn 287 tỷ đồng so với năm 2012 – trong khi doanh thu của năm 2012 giảm. Về tiến độ giải phóng hàng tồn kho chậm luân chuyển: Hiện nay, TTF đã thành lập 1 bộ phận chuyên trách việc tiêu thụ nguyên vật liệu tồn kho - đang bán cho nhiều đối tác tại Bình Dương và Bình Định cũng như cố gắng đưa vào sản xuất. Tuy nhiên, đa số là đơn hàng nhỏ lẻ vì nhu cầu tiêu thụ chung rất thấp, do đó tiến độ giải phóng hàng tồn kho không như mong muốn. Hơn nữa, trong một số trường hợp, Công ty không đủ tài chính để giải chấp ngân hàng khi có khách hàng mua cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng hàng tồn kho chậm luân chuyển. Việc bán tồn kho này mới thu được khoảng 50 tỷ đồng.

● Tình hình nợ vay: Tổng dư nợ vay ngân hàng đến ngày 31/12/2012 là 1,841 tỷ đồng (bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn) – giảm 80 tỷ so với đầu năm.

● Tình hình ngân lưu: TTF tiếp tục gặp nhiều khó khăn về ngân lưu – tình trạng này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của. Đồng thời rủi ro về thanh khoản cũng tăng cao.

2.4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Hiện tại Ban Kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành & cán bộ quản lý vi phạm pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị và các quy định khác của Công ty.

2.5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban điều hành

- Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ thông tin về các quyết định của HĐQT; Cử đại diện tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Sự gắn kết và tính công khai, minh bạch thông tin nhìn chung được xuyên suốt trong các hoạt động giữa BKS, HĐQT và Ban Điều hành trong năm.
- Tình hình triển khai một số công việc đã khuyến nghị:

● Tiến độ thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 10,320m2 đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương của ông Phạm Hoài Nam (đã ứng trước tiền mua đất 32.5 tỷ đồng/trên tổng số 33.5 tỷ đồng từ năm 2008): Công ty đang khó khăn về ngân lưu nên sẽ không đầu tư thêm vào dự án này và sẽ sư dụng quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng, song song với việc chào bán cho các đối tác để thu hồi vốn.

● Tiến độ xây dựng nhà kho tại Tân Uyên, Bình Dương: Đã tạm dừng trong quý II/2012 – dự kiến sẽ triển khai lại khi tình hình ngân lưu khả quan hơn.

2.6. Khuyến nghị của BKS:

● HĐQT, BĐH cần quyết tâm thực hiện mục tiêu giảm hàng tồn kho nói chung và tồn kho chậm luân chuyển nói riêng để khơi thông nguồn vốn, giảm áp lực về ngân lưu.

● Tiếp tục cơ cấu một phần nợ vay ngắn hạn sang trung hạn để giảm áp lực về ngân lưu. Đồng thời tìm kiếm các kênh huy động vốn phù hợp (phát hành cổ phiếu, trái phiếu…) để có thêm nguồn vốn mới tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra tỷ lệ VCSH/nợ vay giảm xuống cũng là một trong số các căn cứ để ngân hàng duy trì hạn mức tín dụng cho TTF – giúp Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

● Việc hoàn thành công tác xây dựng nhà kho tại Tân Uyên – Bình Dương cần phải được hoàn thành càng sớm càng tốt, do nếu tiếp tục để gỗ nguyên liệu nằm ngoài trời trong mùa mưa tới sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1.1. Hội đồng Quản trị

Stt	Tên	Thù lao (VND/năm)	Ghi chú
1	Võ Trường Thành	100.000.000	
2	Diệp Thị Thu	72.000.000	
3	Ngô Thị Hồng Thu	72.000.000	
4	Tạ Văn Nam	72.000.000	
5	Võ Diệp Văn Tuấn	72.000.000	
6	Đinh Văn Hóa	48.000.000	8 tháng (từ tháng 5/2012)
7	Nguyễn Nhân Nghĩa	72.000.000	
8	Lã Giang Trung	72.000.000	
9	Phạm Thị Huyền	48.000.000	8 tháng (từ tháng 5/2012)
10	Nguyễn Đình Nghĩa	24.000.000	4 tháng (từ tháng 1- 4/2012)
11	Trần Lê Anh Thư	36.000.000	

Nguồn: HĐQT của TTF

Ngoài thù lao trên, HĐQT không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2012. Và trong năm 2012, HĐQT cũng chưa nhận khoản thù lao trên do ưu tiên tiền cho những hoạt động sản xuất kinh doanh cần thiết

3.1.2. Ban Điều hành

Stt	Tên – Chức danh	Mức lương (VND/năm)	Thưởng (VND/năm)	Ghi chú
1	Võ Trường Thành – TGĐ	1.200.000.000	14.000.000	Thưởng năm 2012 cho Ban Điều hành là sản phẩm của TTF có trị giá theo mức bên
2	Tạ Văn Nam - PTGĐ	845.000.000	9.000.000	
3	Ngô Thị Hồng Thu - PTGĐ	860.400.000	9.000.000	
4	Võ Diệp Văn Tuấn - PTGĐ	442.000.000	9.000.000	
5	Lê Minh Ngọc - PTGĐ	507.000.000	9.000.000	
6	Đinh Văn Hóa - PTGĐ	325.000.000	9.000.000	
7	Nguyễn Ngọc Lễ - KTT	260.000.000	4.500.000	

Nguồn: Giám đốc HCNS của TTF

Ngoài mức lương – thưởng như trên, Ban Điều hành không có khoản lợi ích nào khác so với CBCVN trong Công ty. Và từ tháng 3/2012 đến nay, Ban Điều hành đã tự nguyện nhận lương trễ hạn trên 3 tháng để ưu tiên tiền cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cần thiết.

3.1.3. Ban Kiểm soát

Stt	Tên	Mức thù lao (VND/năm)	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Thanh	36.000.000	
2	Trần Lâm Thúy Quyên	16.000.000	8 tháng (từ tháng 5/2012)
3	Hoàng Anh Tú	24.000.000	
4	Phạm Thị Mỹ Hà	8.000.000	4 tháng (từ tháng 1 đến tháng 4/2012)

Nguồn: Ban Kiểm soát của TTF

Ngoài thù lao trên, BKS không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2012. Và trong năm 2012, BKS cũng chưa nhận khoản thù lao trên do ưu tiên tiền cho những hoạt động sản xuất kinh doanh cần thiết

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2012, có giao dịch cổ phiếu của 4 cổ đông nội bộ như sau:

Cổ đông nội bộ	*Số CP trước khi giao dịch*	*Số CP đã mua trong 2012*	*Số CP đã bán trong 2012*	*Số CP sau khi giao dịch*
Tạ Thị Vũ Vân (là con của Ông Tạ Văn Nam – UV HĐQT)	3.715		3.700	15
Quỹ ĐTCK Bảo Việt (là tổ chức có liên quan đến Ông Lã Giang Trung – UV HĐQT)	5.169.083 (có 20% cổ phiếu thưởng giao dịch từ 17/9)		1.749.550	3.419.533
Quỹ Đầu tư Việt Nam (là tổ chức có liên quan đến Ông Nguyễn Nhân Nghĩa – UV HĐQT)	4.746.714 (chưa có 20% cổ phiếu thưởng giao dịch từ 17/9)	25.100		4.771.814
Ngô Văn Thành (là chồng của Trần Lâm Thúy Quyên – UV BKS)	0	3.000	3.000	0

Nguồn: Thông tin đăng tải trên trang website của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM năm 2012

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Ngày 12/7/2012, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM có công văn nhắc nhở việc Công ty chưa gửi Nghị quyết HĐQT số 11-12/NQ-HĐQT ngày 14/6/2012 thông qua đề xuất với Đại hội đồng Cổ đông bất thường gần nhất về việc phát hành quyền mua cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 và giá phát hành đề xuất là 5.000 đồng/ cổ phần, với mục đích tăng vốn chủ sở hữu nhằm cải thiện ngân lưu cho Công ty. Điều này vi phạm quy định về công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC. Ngày 19/7/2012, Công ty đã có công văn giải trình việc này với Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM, UBCKNN và cổ đông: *do sơ suất của Ban Thư ký HĐQT vì Công ty đã công bố đầy đủ trên website của Công ty nhưng Ban Thư ký lại quên gửi Nghị quyết đến cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và UBCKNN bằng đường bưu điện cũng như qua thư điện tử*

Ngoài vấn đề nêu trên, Công ty đã thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty trong năm 2012

Ngày 16 tháng 04 năm 2013

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Ho Chi Minh City
No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District T. 848 6296 8684
No. 426 Cao Thang, District 10 T. 848 3868 3306
Office in Hanoi Level 25, M3M4 Building, 91 Nguyen Chi Thanh, Dong Da T. 844 6266 3006 www.dfk.com.vn

Số: 75/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con

Kính gởi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL, được lập ngày 18/6/2011 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

P. GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN TUYÊN
Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2012

KIỂM TOÁN VIÊN

HỒ ĐẮC HIẾU
Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

2.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2,539,083,769,284**	**2,559,528,723,285**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	(V.01)	**6,318,406,469**	**24,463,160,737**
1. Tiền	111		6,318,406,469	4,948,585,254
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	19,514,575,483
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**6,256,127,777**	**20,184,224,750**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(V.02)	6,256,127,777	20,184,224,750
III. Các khoản phải thu	**130**	(V.03)	**544,896,664,564**	**822,619,130,943**
1. Phải thu khách hàng	131		452,616,847,809	724,825,722,407
2. Trả trước cho người bán	132		52,960,831,346	33,812,491,115
3. Các khoản phải thu khác	135		46,971,365,069	69,843,937,371
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7,652,379,660)	(5,863,019,950)
IV. Hàng tồn kho	**140**	(V.04)	**1,955,594,369,039**	**1,668,221,063,420**
1. Hàng tồn kho	141		1,964,242,922,375	1,675,267,511,118
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8,648,553,336)	(7,046,447,698)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	(V.05)	**26,018,201,435**	**24,041,143,435**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,662,524,644	3,394,612,419
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,524,313,476	1,187,479,666
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		501,893,278	331,767,682
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		18,329,470,037	19,127,283,668

(BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2012)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**758,654,627,342**	**779,816,061,478**
I. Các khoản phải thu dài hạn			-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**567,814,745,128**	**584,454,030,873**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	420,238,792,683	451,310,605,035
- Nguyên giá	222		553,027,575,444	553,269,096,480
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132,788,782,761)	(101,958,491,445)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	62,652,460,508	64,478,852,035
- Nguyên giá	228		70,834,650,206	70,834,650,206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8,182,189,698)	(6,355,798,171)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	84,923,491,937	68,664,573,803
			-	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.09	**164,075,052,684**	**172,592,821,051**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		75,469,507,183	76,688,544,860
2. Đầu tư dài hạn khác	258		100,936,504,766	109,121,036,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(12,330,959,264)	(13,216,759,809)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**	V.10	**26,764,829,530**	**22,769,209,554**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		24,529,766,941	20,624,650,016
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		926,062,590	731,104,993
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,309,000,000	1,413,454,545
			-	-
VI. Lợi thế thương mại	**269**			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**3,297,738,396,626**	**3,339,344,784,764**

(BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2012)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**2,504,309,983,590**	**2,541,618,346,506**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2,311,865,263,626**	**2,417,729,038,018**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(V.11)	1,682,098,517,505	1,835,883,386,724
2. Phải trả người bán	312	(V.12)	298,140,995,053	399,111,327,674
3. Người mua trả tiền trước	313	(V.12)	59,209,883,189	55,670,607,643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(V.13)	48,408,988,160	8,569,010,338
5. Phải trả người lao động	315	(V.14)	33,334,364,898	29,932,850,580
6. Chi phí phải trả	316	(V.15)	86,367,517,411	22,929,199,100
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(V.16)	105,124,415,877	66,308,118,967
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(819,418,467)	(675,463,008)
II. Nợ dài hạn	**330**	(V.17)	**192,444,719,963**	**123,889,308,488**
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000,000	1,000,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		159,293,411,342	85,560,530,406
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	114,418,742
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	649,585,640
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		32,151,308,621	36,564,773,700
B. Vốn chủ sở hữu	**400**	(V.18)	**687,679,716,333**	**686,993,232,773**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**687,679,716,333**	**686,993,232,773**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		393,736,060,000	312,498,390,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		272,647,525,014	338,265,055,014
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,677,165,140	3,212,548,834
4. Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(420,631,294)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,152,120,739	6,152,120,739
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,885,040	3,767,885,040
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8,963,110	8,963,110
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8,110,628,585	23,508,901,331
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	**439**		**105,748,696,703**	**110,733,205,485**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**3,297,738,396,626**	**3,339,344,784,764**

(BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 31/12/2012)

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	12,906,424,068	15,605,801,900
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2,675,166,298	2,696,179,148
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	37,347.61	55,554.84
+ EUR	658.64	3,422.53
+ JPY	277,000.00	277,000.00
+ CNY	16,508.00	16,508.00
+ GBP	45.00	45.00
+ THB	5,420.00	5,420.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ NGỌC NAM	NGUYỄN NGỌC LỄ	VÕ TRƯỜNG THÀNH

2.2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1**		**2,624,712,425,389**	**3,014,879,055,265**
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4,284,815,206	15,931,092,870
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 11	VI.19	**2,620,427,610,183**	**2,998,947,962,395**
4.Giá vốn hàng bán	20	VI.20	2,285,551,048,7**75**	2,636,914,780,278
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			**334,876,561,408**	**362,033,182,117**
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	10,201,833,050	82,677,541,453
7.Chi phí tài chính	22	VI.22	240,893,863,895	292,146,162,424
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		235,300,135,849	242,739,230,483
8.Chi phí bán hàng	24	VI.23	18,435,680,040	27,643,536,114
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	89,047,624,307	109,124,329,502
10.Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**(3,298,773,784)** 37,721,728,782	**15,796,695,530** 27,495,846,334
11.Thu nhập khác	31	VI.25	33,900,526,289	25,916,097,067
12.Chi phí khác	32	VI.26		
13.Lợi nhuận khác	40		**3,821,202,493**	**1,579,749,267**
14.Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			**(1,219,037,677)**	**(381,884,350)**
15.Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	**50**		**(696,608,969)**	**16,994,560,447**
16.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,515,258,379 (309,376,338)	6,576,271,717 (616,686,251)
17.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
18.Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**(2,902,491,010)**	**11,034,974,981**
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:				
19.Lợi ích của cổ đông thiểu số			**(5,398,862,069)**	**1,742,648,857**
20.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			**2,496,371,060**	**9,292,326,125**
21.Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	**70**	VI.27	**74**	**297**

2.3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2012

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**(696,608,969)**	**16,994,560,447**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
+ Khấu hao tài sản cố định	02		36,538,627,284	37,446,478,761
+ Các khoản dự phòng	03		2,505,664,803	1,744,824,119
+ Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(36,847,366)
+ Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,029,179,068)	(106,893,425,492)
+ Chi phí lãi vay	06		235,300,135,849	242,739,230,483
3. Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08		**272,618,639,899**	**191,994,820,952**
+ Tăng, giảm các khoản phải thu	09		260,220,684,907	(319,485,158,329)
+ Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(288,975,411,256)	(314,811,908,639)
+ Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14,909,222,880)	325,901,969,824
+ Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2,173,029,150)	(13,375,837,479)
+ Tiền lãi vay đã trả	13		(170,794,680,902)	(221,183,217,611)
+ Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,660,815,658)	(6,527,342,629)
+ Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12,222,149,274	43,796,396,196
+ Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(13,516,048,711)	(396,000,000)
+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**53,032,265,522**	**(314,086,277,715)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(38,571,200,735)	(114,108,116,962)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19,221,405,336	21,615,124,636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(5,934,224,750)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,180,412,973	33,562,684,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4,610,274,400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,932,215,234	700,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,112,135,685	82,677,541,453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**8,874,968,493**	**13,902,733,977**

(BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2012)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,064,687,189,375	3,113,949,808,168
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,144,739,177,658)	(2,806,496,862,618)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(80,051,988,283)**	**307,452,945,550**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(18,144,754,268)**	**7,269,401,812**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		24,463,160,737	17,156,911,559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	36,847,366
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**6,318,406,469**	**24,463,160,737**

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ NGỌC NAM	NGUYỄN NGỌC LỄ	VÕ TRƯỜNG THÀNH

*Quý Cổ đông và Đối tác cần tham khảo thêm **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY MẸ** vui lòng tìm trên www.truongthanh.com/vn/nam-2012.html*

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT 2012

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700530696 ngày 27/2/2012 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

2. Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation
Tên viết tắt: TTFC.
Trụ sở chính đặt tại: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn sản phẩm mộc;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn sản phẩm nông lâm sản;
- Bán buôn phân bón.

5. Danh sách các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

5.1. Công ty con trực tiếp

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Trường Thành (Daklak 1)	Km 86 - Quốc lộ 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Daklak	30,000,000,000	70.00%	70.00%
2.	Công ty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	28,000,000,000	70.00%	70.00%
3.	Công ty CP Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Khu phố 04, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64.16%	64.16%
4.	Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51.00%	100.00%
5.	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, P. Thống Nhất, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60,000,000,000	99.33%	99.97%
6.	Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành	35 Quang Trung, P.Thống Nhất, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53,191,490,000	41.00%	46.07%
7.	Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40,000,000,000	60.00%	68.52%
8.	Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, P.2, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60.00%	99.99%
9.	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP.1, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP. HCM	25,000,000,000	45.60%	97.50%
10.	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, P.Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông	60,000,000,000	96.00%	99.44%

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50,000,000,000	97.90%	82.97%
2.	Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đắk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrắk, Tỉnh Đắk Lắk	10,000,000,000		97.78%

5.2. Công ty con gián tiếp

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krong Pắk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	85.37%
2.	Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krong Pắk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	51.55%

5.3. Công ty Công ty liên kết, liên doanh

TT	Tên Công ty con	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
1.	Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23.08%	43.76%
2.	Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51.00%	51.00%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.
Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán
Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác
Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

■ Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

■ Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định
Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.
Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào… và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	04 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phần mềm tin học	05 - 20 năm

Quyền sử dụng đất
Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn: Công ty không tính khấu hao
Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Đầu tư tài chính
Đầu tư vào các công ty liên kết
Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư tài chính khác
Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng các khoản đầu tư
Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

8. Chi phí trả trước
Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phần bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác
Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Chi phí phải trả
Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Chi phí lãi vay
Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.
Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.
Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá

Khi bán thành phẩm, hàng hoá doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

18. Thuế

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 62/CN-UB ngày 24/8/2000 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế TNDN 02 năm và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm khi có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước; được giảm 20% thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu hay duy trì được thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hoá xuất khẩu trong 03 năm liên tục trước đó. Việc ưu đãi này được áp dụng đến hết năm 2011 theo quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 03 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắknông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP TM XNK Trường Thành Đak Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.
Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành
Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.
Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1,997,836,850	495,816,612
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	3,525,018,059	3,394,634,038
Tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ	795,551,560	1,058,134,604
Các khoản tương đương tiền	-	19,514,575,483
Tổng cộng	**6,318,406,469**	**24,463,160,737**

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng (lãi suất dao động từ 13% đến 14%/năm). Toàn bộ số dư khoản tiền gửi này đã thế chấp, cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn.

2. Đầu tư ngắn hạn

		Cuối năm	Đầu năm
	(*)	**6,256,127,777**	**20,184,224,750**
(*) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các nhân viên Công ty		280,000,000	320,000,000
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các tổ chức	**(**)**	5,956,127,777	5,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn		-	14,844,224,750
Trái phiếu Chính phủ		20,000,000	20,000,000
Cộng		**6,256,127,777**	**20,184,224,750**

(**) Bao gồm:	
Khoản cho vay đến Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300,000,000
Khoản cho vay đến Công ty TNHH XD Đồng Long	3,500,000,000
Khoản cho vay đến Công ty CP Phú Hữu Gia	1,996,127,777
Khoản cho vay đến Công ty TNHH Gia Phú Nguyễn	160,000,000
Cộng	**5,956,127,777**

3. Các khoản phải thu ngắn hạn		Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	***(3.1)***	452,616,847,809	724,825,722,407
Trả trước cho người bán		52,960,831,346	33,812,491,115
Phải thu khác	***(3.2)***	46,971,365,069	69,843,937,371
Cộng		**552,549,044,224**	**828,482,150,893**
Dự phòng phải thu khó đòi	***(3.3)***	(7,652,379,660)	(5,863,019,950)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		**544,896,664,564**	**822,619,130,943**

(3.1) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng gốc ngoại tệ là 6,483,936.09 USD tương đương 134.985.975.729 đồng.

	Cuối năm	Đầu năm
(3.2) Bao gồm:		
Khoản lợi nhuận được chia phải thu từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	16,900,000,000
Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi	1,214,369,836	2,561,766,200
Các khoản cho mượn vật tư	55,504,922	-
Phải thu khoản cho mượn, không lãi suất	-	100,000,000
Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)	23,417,675,770	23,417,675,770
Phải thu từ Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	21,348,250,389	23,938,870,764
Phải thu các bên liên quan của Công ty con	-	873,902,311
Phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	-	998,184,500
Và các khoản phải thu khác	935,564,152	1,053,537,826
Cộng	**46,971,365,069**	**69,843,937,371**

(*) Vào ngày 10/01/2012, Cục thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk có quyết định số 30/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án đối với Công ty TNHH XD và TM Tân Phát liên quan đến khoản thi hành án: trả cho Công ty CP Trồng rừng Trường Thành với số tiền 23.417.675.770 đồng kể từ ngày 10/01/2012 đến khi Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao trả lời kiến nghị của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk.

	Cuối năm
(3.3) Dự phòng phải thu khó đòi:	
Số dư dự phòng phải thu khó đòi đầu năm	(5,863,019,950)
Số trích lập trong năm	(2,101,634,055)
Số hoàn nhập trong năm	312,274,345
Số dư dự phòng phải thu khó đòi cuối năm	**(7,652,379,660)**

4. Hàng tồn kho

		Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường		28,879,434,469	3,158,128,395
Nguyên vật liệu, phụ liệu		1,178,882,069,035	1,128,460,344,938
Công cụ, dụng cụ		1,400,116,003	1,582,385,327
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		656,351,126,768	420,678,422,736
Thành phẩm		54,974,728,441	48,101,224,807
Hàng hoá		32,433,372,071	60,832,808,420
Hàng gửi bán		11,322,075,588	12,454,196,494
Cộng		**1,964,242,922,375**	**1,675,267,511,118**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*)	(8,648,553,336)	(7,046,447,698)
Giá trị thuần có thể thực hiện được		**1,955,594,369,039**	**1,668,221,063,420**

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm (31/12/2012) đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

	Cuối năm
(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	
Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(7,046,447,698)
Số trích lập trong năm	(1,602,105,638)
Số hoàn nhập trong năm	-
Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	**(8,648,553,336)**

5. Tài sản ngắn hạn khác

		Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn		1,662,524,644	3,394,612,419
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5,524,313,476	1,187,479,666
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		501,893,278	331,767,682
Tài sản ngắn hạn khác	(*)	18,329,470,037	19,127,283,668
Cộng		**26,018,201,435**	**24,041,143,435**

	Cuối năm	Đầu năm
(*) Bao gồm:		
Tài sản thiếu chờ xử lý	665,285,403	220,046,643
Các khoản tạm ứng	15,760,502,925	13,484,531,229
Các khoản ứng trước đến người lao động liên quan đến việc phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động	-	2,703,000,000
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,903,681,709	2,719,705,796
Cộng	**18,329,470,037**	**19,127,283,668**

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	241,806,801	281,154,114	24,753,966	4,177,809	1,376,406	553,269,096
Tăng	2,267,531	19,022,131	33,521	72,047	-	21,395,230
Giảm	560,328	20,141,011	862,098	73,314	-	21,636,751
Số dư cuối năm	**243,514,004**	**280,035,234**	**23,925,388**	**4,176,542**		**553,027,575**
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	44,655,392	46,401,221	7,925,785	2,645,370	330,723	101,958,491
Tăng	12,296,649	19,123,074	2,762,757	526,554	168,663	34,877,697
Giảm	320,718	3,315,650	373,341	37,698	-	4,047,406
Số dư cuối năm	**56,631,324**	**62,208,646**	**10,315,201**	**3,134,227**	**499,386**	**132,788,783**
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	197,151,409	234,752,893	16,828,181	1,532,439	1,045,683	451,310,605
Số dư cuối năm	**186,882,681**	**217,826,589**	**13,610,187**	**1,042,315**	**877,020**	**420,238,793**

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang; Giảm do thanh lý, nhượng bán.

7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục		Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	**Tổng cộng**
Nguyên giá				
Số dư đầu năm		64,593,804,700	6,240,845,506	70,834,650,206
Số dư cuối năm	(*)	**64,593,804,700**	**6,240,845,506**	**70,834,650,206**
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		4,936,682,625	1,419,115,546	6,355,798,171
Tăng		1,454,780,258	371,611,269	1,826,391,527
Số dư cuối năm		**6,391,462,883**	**1,790,726,815**	**8,182,189,698**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm		**59,657,122,075**	**4,821,729,960**	**64,478,852,035**
Số dư cuối năm		**58,202,341,817**	**4,450,118,691**	**62,652,460,508**

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009: tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương	4,417.00	09/11/2059	2,663,451,000
Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại P.Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Đắc Lắk	175.20	Lâu dài	5,256,000,000
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, Đắc Lắk	72,118.40	50 năm đến ngày 18/8/2059	508,828,800
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRal, huyện Ea HLeo, Đắc Lắk	14,884.00	Lâu dài	1,458,632,000
Quyền sử dụng tại Thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lăk	34,743.00	Thời hạn 50 năm (kể từ ngày 28/7/2006)	460,950,400
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	120,478.50	49 năm kể từ ngày 08/7/2005	36,745,942,500
Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, Đăk Nông	3,770,000.00	42 năm từ năm 2008 đến năm 2049	17,500,000,000
Cộng			**64,593,804,700**

Tính đến ngày 31/12/2012, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m² đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32,500,000,000	32,500,000,000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hinh, Tỉnh Phú Yên	347,744,186	1,203,500,000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	828,300,000	828,300,000
Chi phí chuyển quyền sử dụng đất tại thửa số 165, tờ bản đồ số 35 thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng số 01/12/2010TTBD3 ngày 01/12/2010 với diện tích chuyển nhượng là 21.835,5 m2	-	993,112,685
Chi phí xây dựng 02 nhà kho tại Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	37,297,984,146	25,548,815,260
Lô đất (250 m2) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đăk Lắk và 08 lô đất khác tại Đăk Lắk	843,700,000	843,700,000
Mua sắm tài sản cố định	6,709,519,611	6,266,357,238
Xây dựng cơ bản dở dang khác (xây dựng nhà kho, nhà xưởng, …)	6,396,243,994	480,788,620
Cộng	**84,923,491,937**	**68,664,573,803**

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1)	75,469,507,183	76,688,544,860
Đầu tư dài hạn khác	(9.2)	100,936,504,766	109,121,036,000
Cộng		**176,406,011,948**	**185,809,580,860**
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(9.3)	(12,330,959,264)	(13,216,759,809)
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn		**164,075,052,684**	**172,592,821,051**

(9.1). Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế 31/12/2012
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	7,018,000 USD	51.00%	(*)	75,198,369,000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6,500,000,000	23.08%	1,500,000,000	2,000,000,000
Cộng				**77,198,369,000**
Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty liên kết				(1,728,861,817)
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh				**75,469,507,183**

(*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Giấy OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty sẽ góp 3,579,000.00 USD (trong đó bao gồm 170,400.00 USD bằng tiền và 3,408,000.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 361022000032 ngày 14/10/2011 bởi Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên.

(9.2) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:
(9.2.1). Đầu tư mua cổ phiếu và các chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá	Giá trị đầu tư 31/12/2012
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	9,661	279,784,766
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	300	100,000,000	30,000,000,000
Công ty CP CBTP Sông Hậu	444,608	27,500	12,226,720,000
Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	10,000	52,680,000,000
Công ty CP Quản lý Cụm CN Trường Thành	555,000	10,000	5,550,000,000
Cộng			**100,736,504,766**

(9.2.2). Các khoản đầu tư tài chính khác

Khoản đầu tư vào	Giá trị đầu tư 31/12/2012
Khoản cho vay đến Công ty Lâm nghiệp Phước An	200,000,000
Tổng cộng đầu tư tài chính dài hạn khác (9.2)	**100,936,504,766**

(9.3). Các khoản dự phòng đầu tư mua cổ phiếu và chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Trị giá đầu tư	Số lượng	Đơn giá bình quân		Dự phòng
Công ty CP Lidovit	279,784,766	28,960	9,661		-
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	30,000,000,000	300	100,000,000		-
Công ty CP CBTP Sông Hậu	12,226,720,000	444,608	27,500		(12,226,720,000)
Công ty CP Phú Hữu Gia	52,680,000,000	5,268,000	10,000		-
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5,550,000,000	555,000	10,000		(104,239,264)
Cộng					**(12,330,959,264)**

10. Tài sản dài hạn khác

		Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	24,529,766,941	20,624,650,016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(10.2)	926,062,590	731,104,993
Tài sản dài hạn khác	(10.3)	1,309,000,000	1,413,454,545
Cộng		**26,764,829,530**	**22,769,209,554**

(10.1) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	3,528,845,802	7,298,087,194
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	19,285,067,863	11,618,972,538
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	420,144,657	611,387,629
Phí đánh giá tác động môi trường	288,346,866	386,116,704
Chi phí chờ phân bổ khác	1,007,361,753	710,085,951
Cộng	**24,529,766,941**	**20,624,650,016**

(*) Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTĐ-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m² tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện... nhằm mục đích xây dựng nhà xưởng để sản xuất với giá thuê lại đất là 40.5 USD/m² (đã bao gồm VAT 10 % nhưng chưa bao gồm phí quản lý là 0,06 USD/m²/tháng) trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Khoản chi phí này là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương tương đương với 100% giá trị hợp đồng.

***(10.2)** Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cuối năm phát sinh từ lãi chưa thực hiện liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất giữa nội bộ Tập đoàn với nhau.*

***(10.3)** Bao gồm:*

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400,000,000	400,000,000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	909,000,000	1,013,454,545
Cộng	**1,309,000,000**	**1,413,454,545**

11. Vay và nợ ngắn hạn		Cuối năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(11.1)	1,593,205,433,833	1,789,737,148,552
Vay từ các tổ chức	(11.2)	4,300,000,000	300,000,000
Vay từ các Cá nhân	(11.3)	9,569,995,500	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(17.1*)	75,023,088,172	45,846,238,172
Cộng		**1,682,098,517,505**	**1,835,883,386,724**

(11.1) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012

	USD	Tương đương VN
Vay bằng VND		966,510,758,133
Vay bằng USD	30,103,500.61	626,694,675,700
Cộng		**1,593,205,433,833**

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C,D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 31/12/2012, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 10% đến 21%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 4,75% đến 10%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(11.2) Vay từ các tổ chức

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Phước An	300,000,000	300,000,000
Công ty CP Vận tải Vũ Thành	4,000,000,000	-
Cộng	**4,300,000,000**	**300,000,000**

(11.3) Bao gồm:

	Cuối năm
Vay từ Ông Đinh Văn Hóa	3,000,000,000
Vay từ Ông Võ Diệp Văn Tuấn	4,500,000,000
Vay từ Bà Ngô Thị Hồng Thu	569,995,500
Vay từ Ông Võ Trường Thành	1,500,000,000
Cộng	**9,569,995,500**

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	(12.1)	298,140,995,053	399,111,327,674
Người mua trả tiền trước	(12.2)	59,209,883,189	55,670,607,643
Cộng		**357,350,878,242**	**454,781,935,317**

(12.1) Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ là 90,582.54 USD tương đương 1.885.747.318 đồng và 48,000.00 EUR tương đương 1.322.061.600 đồng
(12.2) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ là 412,105.23 USD tương đương 8.590.601.550 đồng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	41,906,588,406	2, 4,488,636,883
Thuế TNDN phải nộp	4,420,276,771	3,565,834,050
Thuế TNCN phải nộp	1,991,178,483	400,740,905
Các loại thuế khác	90,944,500	113,798,500
Cộng	**48,408,988,160**	**8,569,010,338**

14. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Khoản lương phải trả người lao động	33,334,364,898	29,932,850,580

15. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay còn phải trả	86,061,467,819	21,556,012,872
Chi phí phải trả khác	306,049,592	1,373,186,228
Cộng	**86,367,517,411**	**22,929,199,100**

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

(*) Bao gồm:	Cuối năm	Cuối năm
Tài sản thừa chờ xử lý	4,945,349,327	1,410,145,152
Kinh phí Công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN còn phải nộp	31,790,043,588	10,052,679,051
Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	17,223,097,619	27,074,282,231
Khoản nhận ứng trước từ Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới và Quyền sử dụng cây mới theo Hợp đồng liên doanh ngày 16/5/2010 và các Phụ lục đính kèm.	44,115,525,595	23,440,754,062
Phải trả các bên liên quan của Công ty con	1,114,000,000	1,100,477,980
Cổ tức còn phải trả	1,166,790,800	1,725,719,800
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2,376,973,622	156,000,000
Lương khoán sản phẩm phải trả cho nhân viên đã nghỉ việc	457,237,750	236,826,150
Và các khoản phải trả khác	1,935,397,576	1,111,234,541
Cộng	**105,124,415,877**	**66,308,118,967**

17. Nợ dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả dài hạn khác (nhận cọc tiền cho thuê mặt bằng)		1,000,000,000	1,000,000,000
Vay và nợ dài hạn	(17.1)	159,293,411,342	85,560,530,406
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	114,418,742
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	649,585,640
Doanh thu chưa thực hiện	(17.2)	32,151,308,621	36,564,773,700
Cộng		**192,444,719,963**	**123,889,308,488**

(17.1) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2012

	Cuối năm
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	190,409,617,014
NH Ngoại Thương Việt Nam	5,993,000,000
NH TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương	37,069,882,500
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Buôn Mê Thuột	844,000,000
Cộng vay dài hạn	**234,316,499,514**
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(75,023,088,172)
Cộng vay và nợ dài hạn	**159,293,411,342**

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk:
Theo Hợp đồng dự án đầu tư phát triển số 2012/2708/NMT/TTF/HĐTD ngày 27/8/2012 với số tiền là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư trồng, chăm sóc và khai thác rừng nguyên liệu và cao su liên kết tại huyện Krong Păk, tỉnh ĐakLăk. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2012 là 14,6%/năm Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 là **22.190.750.000 đồng.**

Theo Hợp đồng số 06/TH.TT/NG/NHNT ngày 25/7/2006 và hợp đồng số 01/DATT/NHNT ngày 16/4/2008 để xây dựng nhà làm viêc, nhà xưởng chế biến gỗ, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh thuộc dự án nhà máy và đầu tư mở rộng kho chưa nguyên liệu, lò sấy, xây dựng khu nhà tập thể công nhân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất thuê với giá trị ước tính là **68.101.000.000 đ**ồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là **187.238.172 đồn**g, cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

Theo Hợp đồng vay số 08/01/TTTR/NG/NHNT ngày 11/7/2008 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2012 nhằm mục đích đầu tư dự án trồng rừng nguyên liệu tại Huyện KrôngNăng Tỉnh Đắk Lắk; Số tiền vay 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Nợ gốc được trả vào ngày 11/7/2013 là 10.000.000.000 đồng; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2012 là 15%năm; Khoản vay này được đảm bảo bằng công trình xây dựng (đường lộ 6m dài 20km) và rừng trồng kinh tế (300ha rừng cây keo lai giâm hom trồng từ năm 2001, 2002); Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 là **10.000.000.000 đồng**, cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

Theo hợp đồng số 12/01/CPLNTT/NG/HĐTG ngày 27/8/2012 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; mục đích vay: bù đắp một phần chi phí đã chi và chi phí đầu tư mới phục vụ thực hiện dự án tổng thể đầu tư trồng, cải tạo và khai thác 3.162,8 ha rừng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đăklăk; thời hạn vay: 84 tháng (thời gian ân hạn: 12 tháng); Nợ gốc được trả theo thời gian được quy định trong hợp đồng; lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo từ Ngân hàng cho từng thời kỳ và được trả lãi hàng quý (lãi suất vay tại ngày 31/12/2012 là 14,6%/năm). Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/CPLNTT/NG/HĐTC ngày 27/8/2012 là 99.634.000.000 đồng và giá trị gia tăng theo quá trình đầu tư còn lại. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 là **51.300.000.000 đồng.**

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/51/VN/NHNT ngày 15/12/2008 với số tiền là 10 tỷ đồng; Hạn trả nợ đợt cuối là ngày 15/12/2013; Mục đích sử dụng nhằm đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel; Lãi suất vay 1,2%/tháng; Tài sản đảm bảo nợ vay là dây chuyền sản xuất gạch tuynel nhãn hiệu Handle theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC ngày 15/12/2008; Tài sản hình thành sau đầu tư (toàn bộ nhà xưởng, nhà máy sản xuất gạch nung), quyền sử dụng đất thửa đất rộng 6,1 ha tại tiểu khu 960 thuộc lâm phận của Công ty Lâm nghiệp Phước An theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTC.SĐT ngày 15/12/2008 và hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008 của Công ty CP Trường Thành. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 là **4.447.850.000 đồn**g và cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên:
Theo các hợp đồng vay và phụ lục đính kèm với lãi suất từ 10.5%/năm đến 18%/năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất, với thời hạn vay từ 60 tháng đến 84 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng dây chuyền sản xuất ván Particle Board, máy móc các loại, nhà xưởng 1.500m2, xe ô tô tải Đông Feng, máy cưa Lipsaw, và các tài sản hình thành trong tương lai, gồm 3 hệ thống lò sấy gỗ, hệ thống cưa CD nhiều lưỡi, hệ thống hút bụi, máy nén khí, nhà chứa bụi và các máy móc thiết bị đầu tư mới với tổng giá trị là 2.599.134.000 đồng. Số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31/12/2012 là **5.993.000.000 đồng.** Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 1.369.000.000 đồng.

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương:
Theo Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 026D12 ngày 05/7/2012 với số tiền vay là 38.600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư xây dựng 02 Nhà kho tại Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất tiền vay tại ngày 31/12/2012 là 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án trên,. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 là **37.069.882.500 đồng.** Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 1 tỷ đồng.
Theo Hợp đồng tín dụng số 001D09 ngày 16/01/2008 với số tiền vay là 115 tỷ đồng. Mục đích sử dụng là đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến Gỗ tại huyện Tân Uyên và thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất cho vay được thông báo cho từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án "Đầu tư nhà máy chế biến gỗ tại huyện Tân Uyên" bao gồm nhà xưởng, nhà văn phòng, công trình kiến trúc, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và các tài sản phát sinh từ dự án nói trên với trị giá dự kiến là 194 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 là **78.735.000.000 đồng.** Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 51.600.000.000 đồng.

Theo hợp đồng số 105D10 ngày 05 tháng 8 năm 2010. Số tiền vay là 30.848.400.005 VND. Mục đích vay là thanh toán chi phí hình thành tài sản cố định của Dự án Công ty Cổ phần Ván công nghiệp Trường Thành. Thời hạn vay là 72 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 218TC10 ngày 05/8/2010 với giá trị thế chấp là 16.301.298.608 đồng, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp số 219TC10 ngày 05/8/2010 giá trị (dự kiến) là 30.534.972.240 đồng và toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản hình thành trong tương lai có giá trị (dự kiến) là 11.515.075.000 đồng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2012 là **23.548.778.842 đồng**. Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 5.575.000.000 đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN TP.Buôn Ma Thuột
Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV201000226 ngày 03/2/2010 với hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng nhằm đầu tư xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất phân hưu cơ vi sinh và vườn ươm cây giống lâm nghiệp. Lãi suất tại ngày 31/12/2012 là 15 %/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218 xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đaklak (giá trị đảm bảo là 6.340.000.000 đồng). Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2012 là 844.000.000 đồng, đã quá hạn thanh toán.

(17.2) Bao gồm:	Cuối năm	Đầu năm
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	32,111,763,166	36,525,228,246
Doanh thu chưa thực hiện khác	39,545,455	39,545,454
Cộng	**32,151,308,621**	**36,564,773,700**

18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312,498,390,000	81,237,670,000	-	393,736,060,000
Thặng dư vốn cổ phần	338,265,055,014	-	65,617,530,000	272,647,525,014
Vốn khác của chủ sở hữu	3,212,548,834	464,616,306	-	3,677,165,140
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Quỹ đầu tư phát triển	6,152,120,739	-	-	6,152,120,739
Quỹ dự phòng tài chính	3,767,885,040	-	-	3,767,885,040
Quỹ khác thuộc CSH	8,963,110	-	-	8,963,110
Lợi nhuận chưa phân phối	23,508,901,331	2,496,371,060	17,894,643,805	8,110,628,585
Cộng	**686,993,232,773**	**84,198,657,366**	**83,512,173,805**	**687,679,716,333**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng do phát hành 1.562.014 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức năm 2010 cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01.11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2011 và do phát hành 6.561.753 cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2012.

Cổ Phiếu	Năm 2012	Năm 2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	39,373,606	31,249,839
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	**39,373,606**	**31,249,839**
- Cổ phiếu thường	39,373,606	31,249,839
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	**(12,648)**	**(12,648)**
- Cổ phiếu thường	12,648)	(12,648)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**39,360,958**	**31,237,191**
- Cổ phiếu thường	39,360,958	31,237,191
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm do:	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	929,232,612
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	464,616,306
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2010	15,62592,000,000
Trích lập thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty CP Trường	275,950,548
Thành (Đaklak 1)	
Giảm khác	12,704,339
Cộng	**17,894,643,805**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

19. Doanh thu

	Năm 2012	Năm 2011
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2,488,024,060,186	2,935,256,096,499
Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	921,745,947	572,848,652
Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	71,549,682,768	74,686,059,063
Doanh thu vật liệu xây dựng	-	3,970,603,525
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64,216,936,488	393,447,526
Cộng	**2,624,712,425,389**	**3,014,879,055,265**
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	(4,284,815,206)	(15,931,092,870)
Doanh thu thuần	**2,620,427,610,183**	**2,998,947,962,395**

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	2,221,124,237,818	2,580,977,565,328
Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	921,745,947	572,848,652
Giá vốn thi công công trình	38,501,095,126	51,532,769,380
Giá vốn vật liệu xây dựng	-	3,546,815,199
Giá vốn cung cấp dịch vụ	23,444,229,960	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,559,739,924	284,781,719
Cộng	**2,285,551,048,775**	**2,636,914,780,278**

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Cổ tức, lợi nhuận được chia	312,530,400	17,014,480,000
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1,386,140,205	13,912,119,179
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,975,589,889	16,456,012,892
Lãi thu do chậm thanh toán và công nợ vượt hạn mức	44,068,245	200,918,561
Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong kỳ	4,413,465,080	35,092,866,354
Doanh thu hoạt động tài chính khác	70,039,231	1,144,467
Cộng	**10,201,833,050**	**82,677,541,453**

22. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí lãi vay	235,300,135,849	242,739,230,483
Lãi trả chậm thanh toán	417,996,824	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,567,174,621	45,105,479,614
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(885,800,545)	(538,733,922)
Phí ngân hàng	1,473,944,987	4,720,310,383
Chi phí tài chính khác	20,412,159	119,875,866
Cộng	**240,893,863,895**	**292,146,162,424**

23. Chi phí bán hàng

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	1,415,124,031	2,236,261,516
Chi phí vật liệu bao bì	12,990,847	45,122,845
Chi phí khấu hao TSCĐ	176,257,036	675,329,844
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	1,450,457,209	1,686,795,610
Chi phí xuất hàng	6,031,770,660	9,952,510,797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,705,515,766	7,153,243,242
Chi phí khác	3,643,564,491	5,894,272,260
Cộng	**18,435,680,040**	**27,643,536,114**

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên quản lý	60,747,955,708	76,824,012,272
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	4,103,739,454	4,690,933,594
Chi phí khấu hao TSCĐ	5,007,945,890	5,902,100,730
Thuế, phí và lệ phí	3,782,963,403	2,621,873,398
Chi phí dự phòng	1,792,209,710	2,381,894,373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,984,180,745	9,019,330,858
Chi phí khác	9,628,629,397	7,684,184,277
Cộng	**89,047,624,307**	**109,124,329,502**

25. Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	19,221,405,336	21,615,124,636
Thu nhập do bán phế liệu	50,000	763,606,545
Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,…	10,474,565,183	2,402,927,050
Thu nhập do phạt vi phạm	461,519,634	511,500,623
Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản công nợ không ai đòi	3,683,304,666	1,397,392,518
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	326,521,721	-
Thu nhập từ tiền khoản chi hộ tiền cơm, BHXH, BHYT, BHTY	2,858,006,399	-
Thu nhập khác	696,355,843	805,294,962
Cộng	**37,721,728,782**	**27,495,846,334**

26. Chi phí khác

	Năm 2012	Năm 2011
Giá trị còn lại của TSCĐ, phế liệu thanh lý, nhượng bán	16,725,677,453	21,921,493,558
Chi phí phạt	2,874,693,994	237,559,892
Chi phí sản suất kinh doanh dở dang các dự án ngừng hoạt động	827,716,593	260,315,033
Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,…	9,847,895,616	433,860,735
Chi phí thiệt hại do bị cháy 90.25ha rừng trồng	-	1,793,240,170
Xử lý công nợ	33,400,000	-
Chi phí từ các khoản chi hộ tiền cơm, BHXH, BHYT, BHTN	2,810,387,870	-
Chi phí khác	780,754,763	1,269,627,680
Cộng	**33,900,526,289**	**25,916,097,068**

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2,902,491,010)	11,034,974,981
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	5,398,862,069)	1,742,648,857
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	2,496,371,060	9,292,326,125
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	2,496,371,060	9,292,326,125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	33,953,936	31,237,191
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**74**	**297**

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

+ Chế biến gỗ
+ Trồng rừng
+ Khác

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần										
Từ khách hàng bên ngoài	2,586,949	2,994,118	1,624	85	31,855	4,745	-	-	2,620,428	1,398,305
Giữa các bộ phận	1,013,486	1,237,241	548	-	58,500	3,895	(1,072,535)	(1,241,136)	-	-
Tổng cộng	3,600,435	4,231,360	2,172	85	90,355	8,639	(1,072,535)	(1,241,136)	2,620,428	1,398,305
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	336,283	364,483	(504)	68	624	1,063	(1,527)	(3,581)	334,877	202,601
Chi phí không phân bổ	104,009	133,045	3,018	5,096	3,023	1,982	(2,567)	(3,355)	107,483	60,247
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	232,274	231,439	(3,521)	(5,028)	(2,399)	(920)	1,040	(225)	227,393	142,354
Thu nhập tài chính	6,242	124,004	2,514	338	7	2	1,439	(41,667)	10,202	15,798
Chi phí tài chính	247,492	301,742	4,328	680	3,844	1,938	(14,771)	(12,214)	240,894	142,932
Lợi nhuận khác	6,483	6,014	(669)	(1,937)	(856)	(66)	(1,136)	(2,431)	3,822	396
Lãi, lỗ công ty liên kết	-	-	(991)	(24)	(228)	(358)	-	-	(1,219)	(98)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,190	6,576	-	-	-	-	16	(617)	2,206	1,286
Lợi nhuận sau thuế	(4,684)	53,138	(6,996)	(7,331)	(7,320)	(3,280)	16,098	(31,492)	(2,902)	14,231
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2,306)	4,589	(459)	(1,629)	(2,633)	(1,218)	-	-	(5,399)	1,603
Lợi nhuận thuần	(2,378)	48,549	(6,536)	(5,703)	(4,687)	(2,062)	16,098	(31,492)	2,496	12,628

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	3,716,390	3,742,921	261,963	189,848	63,367	29,097	(743,982)	(622,522)	3,297,738	3,339,345
Tài sản không phân bổ										
Tổng tài sản	3,716,390	3,742,921	261,963	189,848	63,367	29,097	(743,982)	(622,522)	3,297,738	3,339,345
Nợ phải trả của bộ phận	2,711,229	2,736,651	122,096	48,536	46,342	20,781	(375,357)	(264,350)	2,504,310	2,541,618
Nợ phải trả không phân bổ										
Tổng nợ phải trả	2,711,229	2,736,651	122,096	48,536	46,342	20,781	(375,357)	(264,350)	2,504,310	2,541,618
Chi phí mua sắm tài sản	38,571	110,432	-	17,566	-	5,745	-	-	38,571	133,743
Chi phí khấu hao	34,111	33,088	1,244	2,601	1,185	1,145	83	641	36,621	37,474

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 *Đơn vị tính: triệu đồng*

	Bình Dương		Daklak		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần												
Từ khách hàng bên ngoài	1,998,949	2,034,103	586,251	911,727	5,063	53,118	30,165	-	-	-	2,620,428	2,998,948
Giữa các bộ phận	526,643	871,513	444,404	360,370	43,133	9,254	58,355	-	(1,072,535)	(1,241,136)	-	-
Tổng cộng	2,525,591	2,905,616	1,030,655	1,272,097	48,196	62,371	88,520	-	(1,072,535)	(1,241,136)	2,620,428	2,998,948
Kết quả hoạt động kinh doanh												
Kết quả của bộ phận	272,307	275,644	55,550	80,069	6,207	9,901	2,339	-	(1,527)	(3,581)	334,877	362,033
Chi phí không phân bổ	82,956	105,475	21,549	30,260	3,984	3,880	1,562	508	(2,567)	(3,355)	107,483	136,768
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	189,352	170,169	34,001	49,810	2,223	6,021	778	(508)	1,040	(225)	227,393	225,265
Thu nhập tài chính	5,592	115,452	3,003	6,782	161	2,109	7	1	1,439	(41,667)	10,202	82,678
Chi phí tài chính	184,187	235,837	68,923	63,584	1,446	4,939	1,110	-	(14,771)	(12,214)	240,894	292,146
Lợi nhuận khác	1,971	5,000	2,852	421	(426)	(1,264)	562	(146)	(1,136)	(2,431)	3,822	1,580
Lãi, lỗ công ty liên kết	-	-	-	-	(991)	(24)	(228)	(358)	-	-	(1,219)	(382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,111	5,885	(114)	417	194	274	-	-	16	(617)	2,206	5,960
Lợi nhuận sau thuế	10,616	48,900	(28,951)	(6,990)	(674)	1,628	8	(1,011)	16,098	(31,492)	(2,902)	11,035
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,471	3,229	(8,538)	(2,539)	656	1,062	13	(9)	-	-	(5,399)	1,743
Lợi nhuận thuần	8,146	45,670	(20,413)	(4,450)	(1,329)	566	(5)	(1,002)	16,098	(31,492)	2,496	9,292

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương		Daklak		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Các thông tin khác											-	-
Tài sản của bộ phận	2,934,956	2,944,483	911,799	878,619	147,724	132,167	47,241	6,597	(743,982)	(622,522)	3,297,738	3,339,345
Tài sản không phân bổ												
Tổng tài sản	2,934,956	2,944,483	911,799	876,302	147,724	132,167	47,241	6,597	(743,982)	(622,522)	3,297,738	3,339,345
Nợ phải trả của bộ phận	2,010,958	2,029,564	758,780	704,405	84,509	70,779	25,420	1,220	(375,357)	(264,350)	2,504,310	2,541,618
Nợ phải trả không phân bổ												
Tổng nợ phải trả	2,010,958	2,029,564	758,780	704,405	84,509	70,779	25,420	1,220	(375,357)	(264,350)	2,504,310	2,541,618
Chi phí mua sắm tài sản	32,524	101,373	5,675	28,616	372	3,710	-	44	-	-	38,571	133,743
Chi phí khấu hao	23,889	22,303	10,820	12,173	1,735	1,665	94	692	83	641	36,621	37,474

1. CAM KẾT PHÂN CHIA LỢI NHUẬN HỢP TÁC KINH DOANH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

- Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu từ nguồn thu chỉ tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trồng chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tỉa thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

- Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu kỳ sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tỉa thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.

2. SỐ DƯ ĐẦU KỲ

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ phát sinh từ biên bản kiểm tra thuế năm 2008, 2009 và năm 2010 tại Công ty CP Trồng rừng Trường Thành và Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành làm thay đổi lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ cần phải được điều chỉnh và công bố trên Báo cáo tài chính. Số dư trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Số dư 31/12/2011 đã kiểm toán	Số dư tại ngày 01/01/2012 đã điều chỉnh	Chênh lệch
A. TÀI SẢN			
Hàng tồn kho	1,672,950,379,425	1,675,267,511,118	2,317,131,693
Tổng cộng ảnh hưởng đến TÀI SẢN	1,672,950,379,425	1,675,267,511,118	2,317,131,693
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**3,337,027,653,071**	**3,339,344,784,764**	**2,317,131,693**
B. NGUỒN VỐN			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22,080,764,687	23,508,901,331	1,428,136,644
Lợi ích cổ đông thiểu số	109,844,210,436	110,733,205,485	888,995,049
Tổng cộng ảnh hưởng đến NGUỒN VỐN	31,924,975,123	134,242,106,816	2,317,131,693
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**2,650,606,504,955**	**2,652,923,636,648**	**2,317,131,693**

3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tập đoàn đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012.

Tập đoàn đã phát hành thêm 19.686.571 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 (cổ đông nắm giữ 2 cổ phiếu sẽ có quyền mua thêm 1 cổ phiếu) với giá phát hành là 5.000 đồng/cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 66/GCN-UBCK ngày 26/12/2012 từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong năm 2013, Tập đoàn đang trong tiến trình hoàn tất các thủ tục để chuyển nhượng Quyền sử dụng đất (hoặc cho thuê lại đất) đến Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

Trong năm 2013, Tập đoàn đang trong tiến trình hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI bằng quyền cây trồng mới.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Rủi ro thị trường

1.1. Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ('USD") và đồng Euro ("EUR").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR là như sau:

	Tại ngày 31/12/2012			
	Tiền gốc ngoại tệ		Tương đương VND	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	37,347.61	658.64	777,415,506	18,136,054
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6,483,936.09	-	134,985,975,729	-
Tổng cộng	**6,521,283.70**	**658.64**	**135,763,391,235**	**18,136,054**
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	90,582.54	48,000.00	1,885,747,318	1,322,061,600
Chi phí phải trả (Chi phí lãi vay)	90,815.49		1,890,596,821	
Vay và nợ ngắn hạn	30,103,500.61		626,694,675,700	
Tổng cộng	**30,284,898.64**	**48,000.00**	**630,471,019,839**	**1,322,061,600**
Mức rủi ro tiền tệ	**(23,763,614.94)**	**(47,341.36)**	**(494,707,628,604)**	**(1,303,925,546)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (24.735.381.430) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Euro mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (65.196.277) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Euro còn lại.

1.2. Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

	Tại ngày 31/12/2012
Tài sản có lãi suất	
Cho vay (có lãi suất)	6,456,127,777
Tổng	**6,456,127,777**
Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 129.122.556 đồng (A).	
Nợ phải trả có lãi suất	
Các khoản vay	1,841,391,928,847
Các khoản phải trả khác có lãi suất	-
Tổng	**1,841,391,928,847**

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 36.827.838.577 đồng **(B)**.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là **(A) - (B) = (36.698.716.021)** đồng.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tính dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng
Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị
Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu khác và các khoản tạm ứng của Tập đoàn không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là **539.230.534.971** đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị
Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	**Tại ngày 31/12/2012**
Tổng gộp	29,079,012,178
Trừ dự phòng giảm giá trị	(7,652,379,660)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	**21,426,632,518**
Dự phòng giảm giá trị	
Số dư đầu năm (01/01/2012)	(5,863,019,950)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(2,101,634,055)
Xóa sổ do đã thu hồi công nợ	312,274,345
Số dư cuối năm (31/12/2012)	**(7,652,379,660)**

3. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ đề có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	1,682,098,517,505	159,293,411,342	1,841,391,928,847
Phải trả người bán	298,140,995,053	-	298,140,995,053
Người mua trả tiền trước	59,209,883,189	-	59,209,883,189
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	48,408,988,160	-	48,408,988,160
Phải trả người lao động	33,334,364,898	-	33,334,364,898
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	191,491,933,288	1,000,000,000	192,491,933,288
Tổng cộng	**2,312,684,682,093**	**160,293,411,342**	**2,472,978,093,435**

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Tập đoàn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản nợ phải thu sẽ hình thành trong tương lai cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (thuyết minh tại mục số V.4, V.7, V.11.1, và V.17.1 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính hợp nhất).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

Đo lường theo giá trị hợp lý
Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

"So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ"

Tại ngày 31/12/2012	Giá trị sổ sách	Tăng	Giảm	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn					
Cho vay ngắn hạn	6,256,127,777	-	-	6,256,127,777	-
Các đầu tư dài hạn					
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (thuộc đầu tư dài hạn khác)	100,736,504,766	-	(12,330,959,264)	88,405,545,502	(12,330,959,264
Cho vay dài hạn	200,000,000	-	-	200,000,000	-
Tổng cộng	**107,192,632,543**	-	**(12,330,959,264)**	**94,861,673,279**	**(12,330,959,264)**

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỖ NGỌC NAM	NGUYỄN NGỌC LỄ	VÕ TRƯỜNG THÀNH

*Quý Cổ đông và Đối tác cần tham khảo thêm **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY MẸ** vui lòng tìm trên www.truongthanh.com/vn/nam-2012.html*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
Đường DT 747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
Tel: (0650) 3642 004 - Fax: (0650) 3642 006
Email: contact@truongthanh.com - Website: www.truongthanh.com

VƯƠN RA BIỂN LỚN